



ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN VĂN DŨNG (Chủ biên phần Lịch sử)
NINH THỊ HẠNH – NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH

LÊ THÔNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN TUYẾT NGÀ (Chủ biên phần Địa lí)
PHẠM THỊ SEN – NGUYỄN THỊ TRANG THANH

Lịch sử và Địa lí

4

BẢN MẪU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ THÔNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN TUYẾT NGÀ (Chủ biên phần Địa lí)
PHẠM THỊ SEN – NGUYỄN THỊ TRANG THANH

(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4434/QĐ-BGDĐT ngày 21/12/2022)

4

BẢN MẪU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



KHỞI ĐỘNG



KHÁM PHÁ



Quan sát, đọc thông tin, trả lời câu hỏi.



Tìm hiểu, khám phá tri thức lịch sử và địa lí liên quan đến nội dung của bài học.

Em có biết?

Thông tin mở rộng, bổ sung kiến thức cho bài học.



LUYỆN TẬP



VẬN DỤNG

Em hãy giữ gìn sách sạch đẹp,
không viết, vẽ vào sách nhé!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Trên tay các em là cuốn sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 4* của bộ sách *Cánh Diều*. Cuốn sách gồm ba mạch nội dung chính: *Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí*; *Địa phương em* và *Các vùng của Việt Nam*. Ở mỗi vùng, các em sẽ được tìm hiểu một số nét đặc sắc về thiên nhiên, con người, hoạt động sản xuất, văn hoá và lịch sử. Từ đó, các em thêm yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước và có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá, lịch sử của đất nước ta.

Cuốn sách có các phần: *Kí hiệu dùng trong sách*, *Lời nói đầu*, *Mục lục*, *Các bài học* và *Bảng giải thích thuật ngữ*. Ở mỗi bài học có bốn giai đoạn học tập: *Khởi động*, *Khám phá*, *Luyện tập* và *Vận dụng*, trong đó có các hoạt động đa dạng để đạt được yêu cầu cần đạt của bài. Ngoài ra, nhiều bài học còn có mục *Em có biết?* và hoạt động *Tìm hiểu, khám phá* nhằm giúp các em mở rộng thêm hiểu biết của mình. Các bản đồ, lược đồ và hình ảnh trong sách sẽ giúp các em khai thác, chiếm lĩnh kiến thức lịch sử, địa lí dễ dàng, hấp dẫn hơn.

Hi vọng cuốn sách sẽ mang lại cho các em những điều bổ ích và lí thú. Chúc các em học tốt môn học này!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	5
Bài 2. Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	10

VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	14
Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	14
Bài 4. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	19
Bài 5. Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương	25

VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	30
Bài 6. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	30
Bài 7. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	35
Bài 8. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	42
Bài 9. Thăng Long – Hà Nội	46
Bài 10. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	52
ÔN TẬP HỌC KÌ I	56

VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	58
Bài 11. Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung	58
Bài 12. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	63
Bài 13. Cố đô Huế	70
Bài 14. Phố cổ Hội An	76

VÙNG TÂY NGUYÊN	81
Bài 15. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	81
Bài 16. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Tây Nguyên	86
Bài 17. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên	92

VÙNG NAM BỘ	95
Bài 18. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	95
Bài 19. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá ở vùng Nam Bộ	99
Bài 20. Thành phố Hồ Chí Minh	107
Bài 21. Địa đạo Củ Chi	113
ÔN TẬP CUỐI NĂM	117
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	119

Bài 1

LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,...
- Sử dụng được một số phương tiện hỗ trợ vào học tập môn Lịch sử và Địa lí.



Môn Lịch sử và Địa lí sẽ giúp các em có những hiểu biết về thiên nhiên và con người, khám phá nhiều địa điểm trên Trái Đất trong quá khứ cũng như hiện tại. Để học tập tốt môn học này, các em có thể dùng các phương tiện học tập nào? Cách thức để sử dụng chúng ra sao?



Để học tốt môn Lịch sử và Địa lí, có nhiều phương tiện hỗ trợ như: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,... Mỗi phương tiện hỗ trợ đều có chức năng riêng đối với việc học tập môn học này.

1 Bản đồ, lược đồ



1. Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Cho biết nội dung thể hiện trên lược đồ.
- Đọc bảng chú giải và nêu một số kí hiệu được sử dụng trong lược đồ; kể tên các địa điểm nghĩa quân Lam Sơn tấn công quân Minh.

2. Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Cho biết nội dung thể hiện trên bản đồ.
- Đọc bảng chú giải và nêu một số kí hiệu được sử dụng trong bản đồ; kể tên thủ đô và các thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam.



Hình 1. Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427)

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.

Lược đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực theo một tỉ lệ nhất định, có nội dung giản lược hơn bản đồ.

Mỗi loại bản đồ, lược đồ có những thông tin riêng. Các bước cơ bản để sử dụng hiệu quả bản đồ, lược đồ là:

- Đọc tên bản đồ, lược đồ để biết nội dung chính được thể hiện là gì.
- Đọc bảng chú giải để biết đối tượng thể hiện trên bản đồ, lược đồ.
- Tìm đối tượng lịch sử hoặc địa lí trên bản đồ, lược đồ dựa vào kí hiệu và màu sắc.

2 Biểu đồ



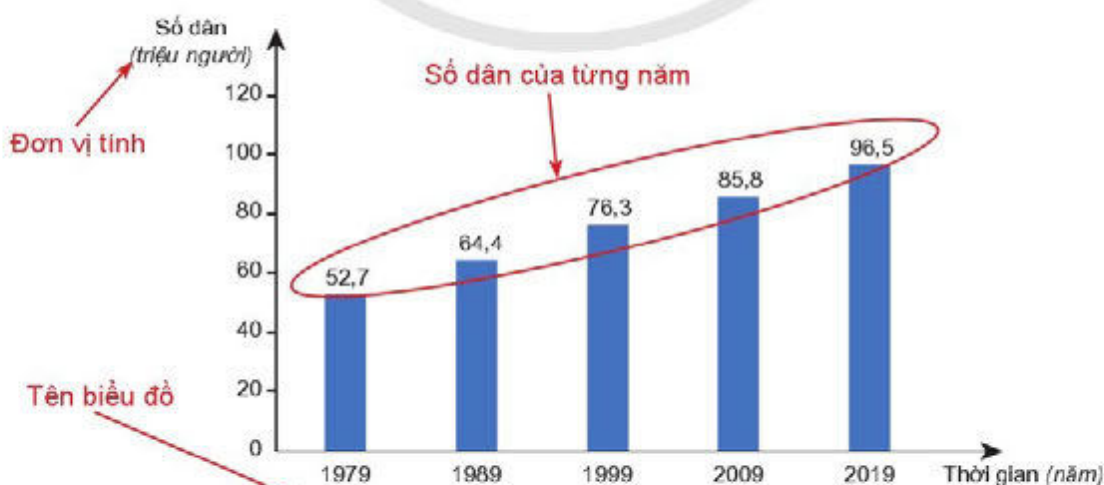
Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Cho biết biểu đồ thể hiện nội dung gì.
- Nêu tên trục dọc, trục ngang của biểu đồ và đơn vị của mỗi trục.
- So sánh độ cao của các cột và nhận xét về sự thay đổi số dân Việt Nam qua các năm.

Biểu đồ là hình vẽ thể hiện trực quan mối quan hệ về số liệu của các đối tượng. Các loại biểu đồ thường được sử dụng gồm: biểu đồ cột, biểu đồ tròn, biểu đồ đường,...

Các bước để sử dụng biểu đồ là:

- Đọc tên biểu đồ để biết nội dung được thể hiện là gì.
- Quan sát biểu đồ để xác định các đối tượng cụ thể trên biểu đồ.
- So sánh và nhận xét về các đối tượng được thể hiện trên biểu đồ.



Hình 3. Biểu đồ số dân Việt Nam qua các năm

3 Tranh ảnh

?

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy:

- Đặt các câu hỏi để tìm hiểu về bức ảnh.
- Trao đổi với bạn về nội dung được thể hiện trong bức ảnh.

Tranh ảnh là những bức vẽ, bức ảnh được vẽ hoặc chụp lại các sự kiện, nhân vật lịch sử, sự vật, hiện tượng địa lí cụ thể. Để sử dụng hiệu quả tranh ảnh, cần thực hiện theo các bước sau:

- Đọc tên tranh ảnh để xác định nội dung khái quát.
- Tìm hiểu tranh ảnh bằng cách đặt câu hỏi (ví dụ: Ai?, Cái gì?, Ở đâu?, Khi nào?, Tại sao?, Như thế nào?).
- Nhận xét về nội dung được phản ánh trong tranh ảnh.



Hình 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc (năm 1960)

4 Hiện vật

?

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy:

- Cùng bạn đặt các câu hỏi tìm hiểu về hiện vật.
- Mô tả về trống đồng (hình dạng, màu sắc, hoa văn,...).

Hiện vật lịch sử là những di tích, đồ vật,... của con người được lưu giữ lại. Đó là những bằng chứng quan trọng để hiểu về quá khứ. Dưới đây là các bước giúp sử dụng hiện vật hiệu quả trong học tập:

- Đọc tên của hiện vật.
- Tìm hiểu hiện vật bằng cách đặt câu hỏi (ví dụ: Ai (tạo ra/ sở hữu)?, Cái gì?, Ở đâu?, Khi nào?, Tại sao?, Như thế nào?).
- Nêu nhận xét về người/ nhóm cư dân đã tạo ra hoặc sở hữu hiện vật đó.



Hình 5. Một số hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia



Hình 6. Trống đồng Ngọc Lũ – hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia



1. Dựa vào hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Việt Nam theo các gợi ý dưới đây:
 - Chỉ trên bản đồ đường biên giới quốc gia của Việt Nam trên đất liền.
 - Việt Nam tiếp giáp với những quốc gia và vùng biển nào?
2. Tại sao hiện vật được coi là bằng chứng quan trọng để tìm hiểu về quá khứ?



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm và giới thiệu về một lược đồ, bản đồ, tranh ảnh hoặc hiện vật cụ thể phục vụ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
2. Lựa chọn một đồ vật có nhiều kỉ niệm đối với em (đồ chơi, bức ảnh, cuốn sách,...) để viết đoạn văn ngắn khoảng 3 – 5 câu giới thiệu về đồ vật đó.

ĐỊA PHƯƠNG EM
(TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương em.
- Mô tả được một số nét về văn hoá của địa phương em.
- Lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương.
- Kể lại được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương.
- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.



Hiện nay, Việt Nam có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mỗi tỉnh, thành phố đều có những nét riêng về tự nhiên, kinh tế, văn hoá, lịch sử,... Em đang sống ở tỉnh, thành phố nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về địa phương mình.



1 Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên



- Xác định vị trí địa lí của địa phương em trên hình 2 bài 1.
- Dựa vào bản đồ tự nhiên địa phương và kết hợp với hiểu biết của bản thân, hãy mô tả một số nét chính về tự nhiên ở địa phương em theo gợi ý ở hình 1.

Tên của
địa phương em
là gì?

Địa phương em
có những dạng
địa hình nào?
Dạng địa hình nào
là chủ yếu?

TÌM HIỂU VỀ TỰ NHIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG EM

Địa phương em
có những hồ
hoặc sông,
suối nào?

Khí hậu
địa phương em
có mấy mùa?
Mỗi mùa có
đặc điểm
như thế nào?

Kể về
các yếu tố
tự nhiên khác của
địa phương em
(đất, rừng,
biển, đảo...).

Hình 1. Hướng dẫn tìm hiểu một số nét về tự nhiên

2 Một số hoạt động kinh tế

?

Tìm hiểu và trình bày một số hoạt động kinh tế ở địa phương em theo gợi ý ở hình 2.



Hình 2. Hướng dẫn tìm hiểu về một số hoạt động kinh tế

3 Văn hoá địa phương

?

- Mô tả một số nét văn hoá ở địa phương em theo gợi ý ở hình 3.
- Lựa chọn và giới thiệu một món ăn, một trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu của địa phương theo gợi ý ở các hình 4, 5, 6.

TÌM HIỂU VỀ VĂN HOÁ Ở ĐỊA PHƯƠNG EM



Hình 3. Hướng dẫn tìm hiểu một số nét về văn hoá

4 Danh nhân tiêu biểu



Kể lại câu chuyện về một danh nhân ở địa phương em theo gợi ý ở hình 7.



Hình 7. Hướng dẫn tìm hiểu câu chuyện về danh nhân ở địa phương



1. Hãy giới thiệu và nêu cảm xúc của em về địa phương mình.
2. Kể những việc em đã làm hoặc sẽ làm để góp phần bảo vệ môi trường nơi em đang sinh sống.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. sưu tầm bài hát, câu thơ, ca dao, tục ngữ về thiên nhiên, con người ở địa phương em.
2. Vẽ một bức tranh về phong cảnh nơi em sống.

VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Bài
3

THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Em hãy cho biết đỉnh núi nào cao nhất nước ta. Đỉnh núi đó thuộc vùng nào của Việt Nam?



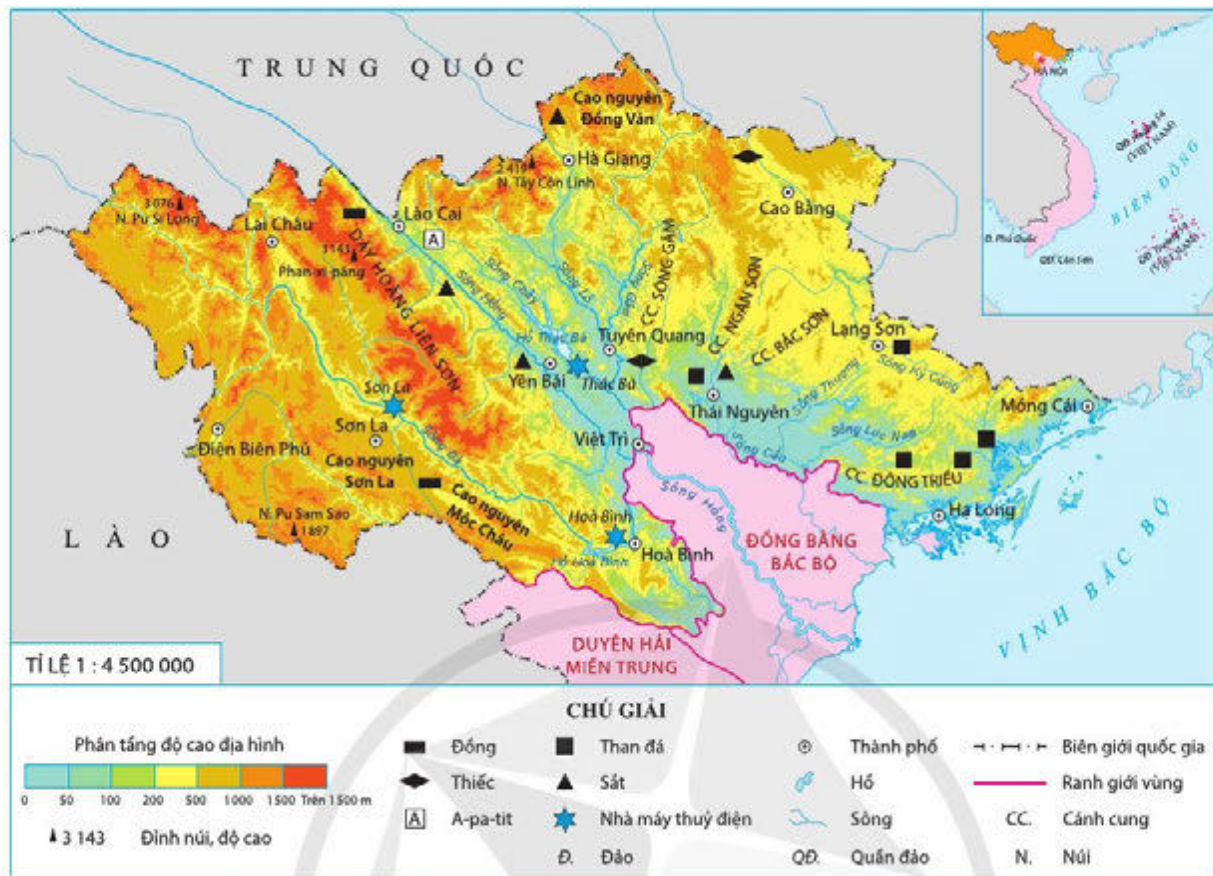
1 Vị trí địa lí



Quan sát hình 1, em hãy:

- Chỉ ranh giới của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Cho biết Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với những vùng nào, quốc gia nào.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở phía bắc nước ta. Đây là vùng duy nhất của Việt Nam giáp với Trung Quốc. Bên cạnh phần đất liền rộng lớn, vùng này còn có biển ở phía đông nam.



Hình 1. Lược đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

2 Đặc điểm thiên nhiên

Địa hình



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Xác định vị trí dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng (Fansipan), cao nguyên Mộc Châu.
- Mô tả địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều dạng địa hình khác nhau như: núi, đồi, cao nguyên,... Nơi đây có các dãy núi thấp hình cánh cung và dãy Hoàng Liên Sơn cao, đồ sộ nhất nước ta, trên đó có đỉnh Phan-xi-păng cao 3 143 m, được mệnh danh là “nóc nhà Đông Dương”.

Em có biết?

Dãy Hoàng Liên Sơn dài khoảng 180 km. Trên dãy núi này có nhiều cây hoàng liên nên được gọi là dãy Hoàng Liên Sơn.

Trung du và miền núi Bắc Bộ còn có vùng trung du với các đồi dạng bát úp và các cao nguyên nổi tiếng như: cao nguyên Đồng Văn (tỉnh Hà Giang), cao nguyên Mộc Châu (tỉnh Sơn La),...

Khí hậu



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy mô tả khí hậu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hãy giới thiệu về một số bức ảnh tuyết rơi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ mà em đã sưu tầm.



Hình 2. Tuyết rơi ở Sa Pa (tỉnh Lào Cai)

Khí hậu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có sự khác biệt giữa mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ nóng và mưa nhiều, mùa đông lạnh và ít mưa. Không nơi nào trên đất nước ta có mùa đông giá rét như nơi đây. Một số vùng núi cao vào mùa đông đôi khi có tuyết rơi như: Sa Pa (tỉnh Lào Cai), Mẫu Sơn (tỉnh Lạng Sơn),...

Sông ngòi



- Xác định vị trí sông Hồng, sông Đà và sông Lô trên hình 1.
- Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy mô tả về sông của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 3. Một đoạn sông Đà chảy qua tỉnh Sơn La

Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều sông, suối; trong đó sông Hồng, sông Đà, sông Lô là những sông lớn. Sông Đà và sông Lô là hai sông đổ nước vào sông Hồng. Do địa hình dốc nên sông ở đây có nhiều thác ghềnh, nước chảy mạnh, đặc biệt là sông Đà.

3 Ảnh hưởng của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất



Đọc thông tin, em hãy nêu ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân.

Trung du và miền núi Bắc Bộ có địa hình đa dạng, khí hậu với mùa đông lạnh là điều kiện để phát triển nhiều loại cây trồng, đặc biệt là cây xứ lạnh (đào, lê, mận, hồng, táo, quýt, su su, bắp cải,...). Trên các cao nguyên có nhiều

đồng cỏ để chăn nuôi gia súc (trâu, bò, dê,...). Sông ngòi trên địa hình dốc tạo điều kiện để phát triển thủy điện. Đây còn là vùng có nhiều cảnh đẹp để phát triển du lịch.

Tuy nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi của vùng cũng gây ra nhiều thiên tai như: lũ quét, sạt lở đất, rét đậm, rét hại,... ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất. Bên cạnh đó, địa hình dốc, phức tạp là trở ngại đối với giao thông vận tải và xây dựng.

4 Một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai



Đọc thông tin và kết hợp với hiểu biết của bản thân, em hãy đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Để bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai, cần có một số biện pháp sau:

- Nâng cao nhận thức của người dân về việc bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
- Tích cực trồng rừng, bảo vệ rừng và sử dụng đất hợp lý.
- Tổ chức định canh, định cư, ổn định và nâng cao đời sống cho người dân.
- Tập huấn kĩ năng phòng chống thiên tai cho người dân.

Em có biết?

Dấu hiệu nhận biết và cách phòng chống một số thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Cách phòng chống giá rét

- Che chắn nhà cửa kín gió, sưởi ấm đúng cách. Người già, trẻ nhỏ hạn chế ra khỏi nhà, đặc biệt là vào ban đêm.
- Bảo đảm nguồn thức ăn và giữ ấm cho đàn gia súc, gia cầm; sử dụng rơm rạ, cỏ khô, ni lông,... để che phủ cho cây trồng;...

Dấu hiệu nhận biết

Lũ quét: Mưa lớn nhiều ngày; nước sông, suối chuyển màu đục; có tiếng động bất thường;...

Sạt lở đất: Mưa lớn nhiều ngày; cây nghiêng; tường nhà, sườn đồi xuất hiện vết nứt; mặt đất phồng lên;...

Cách phòng chống lũ quét, sạt lở đất

- Không xây dựng nhà ở khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.
- Thường xuyên theo dõi thông tin dự báo thời tiết.
- Chủ động quan sát các dấu hiệu lũ quét, sạt lở đất.
- Sẵn sàng sơ tán khi cần thiết.



1. Quan sát các hình 4, 5, 6, hãy chỉ vị trí tương ứng của các địa điểm này trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.



Hình 4. Một phần dãy Hoàng Liên Sơn (tỉnh Lào Cai)



Hình 5. Một phần cao nguyên Mộc Châu (tỉnh Sơn La)



Hình 6. Một phần cao nguyên Đồng Văn (tỉnh Hà Giang)

2. Lựa chọn một đặc điểm thiên nhiên (địa hình, khí hậu hoặc sông ngòi) ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để hoàn thành sơ đồ theo gợi ý dưới đây:



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Vào kì nghỉ lễ Tết Nguyên đán, bạn Lan cùng bố mẹ đi du lịch ở Sa Pa (tỉnh Lào Cai). Theo em, bạn Lan cần chuẩn bị trang phục như thế nào cho phù hợp? Vì sao?
2. Quan sát hình 7, em hãy:
 - Dự đoán những rủi ro có thể xảy ra.
 - Đưa ra lời khuyên cho người dân về việc chọn địa điểm xây dựng nhà ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 7. Sạt lở đất

Bài 4

DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
- Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Mô tả được một số nét văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Trung du và miền núi Bắc Bộ nổi tiếng về những ruộng bậc thang “treo” trên các sườn núi, những phiên chợ vùng cao rực rỡ sắc màu và nhà máy thủy điện lớn nhất Đông Nam Á. Nếu được đi du lịch đến vùng này, em mong muốn được chiêm ngưỡng cảnh vật và nét văn hoá nào nơi đây?



1 Dân cư

?

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu tên những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km² và từ 100 đến 500 người/km².
- Nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Em có biết?

Mỗi dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có trang phục đặc trưng riêng. Trang phục của nam thường đơn giản và có màu sẫm; trang phục của nữ được may, thêu trang trí rất công phu và thường có màu sắc sặc sỡ.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi có nhiều dân tộc cùng chung sống. Các dân tộc sinh sống ở đây là: Kinh, Mường, Tày, Nùng, Thái, Mông, Dao,... Họ đã cùng nhau xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá.



Hình 2. Ruộng bậc thang (tỉnh Hà Giang)

Em có biết?

Làm ruộng bậc thang để trồng lúa nước là cách sử dụng đất hợp lí của người dân vùng núi. Bằng nỗ lực lao động bền bỉ, đồng bào miền núi đã tạo nên các thửa ruộng tựa như những bức tranh nghệ thuật hoành tráng “treo” trên các sườn núi.

Xây dựng các công trình thủy điện



- Đọc thông tin, em hãy nêu cách khai thác sức nước để sản xuất điện.
- Em hãy tìm và chỉ hai nhà máy thủy điện Hoà Bình và Sơn La trên hình 1 bài 3.

Nhờ đặc điểm sông dốc, nhiều nước,... vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện thuận lợi để xây dựng các công trình thủy điện. Nhà nước đã cùng nhân dân đắp đập, ngăn sông tạo thành hồ lớn và dùng sức nước chảy từ trên cao xuống để chạy tua-bin sản xuất điện. Các hồ thủy điện còn có nhiều tác dụng khác như: khai thác du lịch, nuôi trồng thủy sản,...

Hai nhà máy thủy điện lớn hàng đầu của nước ta và Đông Nam Á hiện nay đều ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Đó là Nhà máy Thủy điện Hoà Bình và Nhà máy Thủy điện Sơn La.



Hãy chia sẻ thông tin về một trong hai nhà máy thủy điện lớn hàng đầu nước ta mà em đã tìm hiểu.



Hình 3. Một góc Nhà máy Thủy điện Hoà Bình (tỉnh Hoà Bình)

Khai thác khoáng sản

?

- Em hãy tìm và chỉ vị trí các mỏ: than đá, sắt, đồng, thiếc, a-pa-tit (apatit) trên hình 1 bài 3.
- Đọc thông tin, em hãy cho biết khai thác khoáng sản ở mỏ lộ thiên khác với khai thác khoáng sản trong hầm lò như thế nào.



Hình 4. Khai thác sắt ở tỉnh Hà Giang

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi có nhiều loại khoáng sản nhất nước ta. Các loại khoáng sản có nhiều hơn cả là: than, sắt, thiếc, a-pa-tit,...

Khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ được khai thác bằng các hình thức khác nhau. Với mỏ lộ thiên, chỉ cần bóc đi lớp đất, đá bên trên là lấy được khoáng sản. Với mỏ nằm sâu dưới lòng đất thì phải đào hầm lò mới lấy được khoáng sản. Công việc khai thác khoáng sản trong hầm lò rất vất vả và nguy hiểm, cần có biện pháp để bảo đảm an toàn cho công nhân.

3 Một số nét văn hoá

?

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, 7, em hãy mô tả một số nét văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chợ phiên vùng cao

Chợ phiên vùng cao thường họp vào những ngày nhất định. Vào ngày này, chợ thường rất đông vui. Chợ phiên không chỉ là nơi mua bán, trao đổi hàng hoá mà còn là nơi gặp gỡ, vui chơi, giao lưu văn hoá của người dân. Ngoài ra, chợ phiên cũng là nơi lưu giữ những nét văn hoá đặc sắc về ẩm thực, trang phục,...



Hình 5. Một góc chợ phiên Bắc Hà (tỉnh Lào Cai)

Lễ hội Lồng Tồng

Lễ hội Lồng Tồng còn được gọi là lễ hội xuống đồng của các dân tộc Tày, Nùng,... để cầu trời cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, đời sống ấm no. Lễ hội thường tổ chức vào đầu mùa xuân. Hoạt động chính của lễ hội là nghi lễ xuống đồng, với sự tham gia thực hiện nghi thức cày đường cày đầu tiên, thi cấy,... Trong lễ hội có các trò chơi dân gian như: kéo co, đẩy gậy, tung còn, bịt mắt đập trống,...



Hình 6. Thi cấy trong lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày (tỉnh Thái Nguyên)

Em có biết?

Lễ hội Xương Giang (tỉnh Bắc Giang)

Lễ hội này được tổ chức vào mùng 6, mùng 7 tháng Giêng (âm lịch) hằng năm tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để kỉ niệm chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427). Lễ hội được tổ chức ở nhiều địa điểm, thành Xương Giang là nơi diễn ra chính hội với lễ khai hội và dâng hương tưởng niệm các anh hùng nghĩa sĩ Lam Sơn. Sau khi dâng hương, các đoàn rước trở về làng mình và tổ chức các trò chơi như: đu quay, cờ tướng,...

Xoè Thái

Xoè Thái là loại hình múa truyền thống, đặc sắc, có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người Thái. Xoè Thái có rất nhiều điệu, trong đó xoè vòng là phổ biến nhất. Xoè vòng có tính giao lưu cộng đồng cao nên không hạn chế số người tham gia. Các vòng xoè thường được xác định “tâm xoè” bởi một hũ rượu cần hoặc một đồng lửa,...



Hình 7. Xoè Thái trong lễ hội Mường Lò – Nghĩa Lộ (tỉnh Yên Bái)

Em có biết?

Năm 2021, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi danh Nghệ thuật Xoè Thái là Di sản Văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Hãy giới thiệu về một chợ phiên vùng cao mà em đã tìm hiểu hoặc trải nghiệm.



1. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Nêu một số nguyên nhân của sự phân bố đó.
2. Tại sao ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ lại phát triển các hoạt động sản xuất như: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản?
3. Em ấn tượng điều gì về chợ phiên vùng cao, lễ hội Lồng Tồng và Xoè Thái ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Bạn Hoa và bạn Minh đang tranh luận về ảnh hưởng của việc xây dựng các công trình thủy điện đối với đời sống và sản xuất. Bạn Hoa nói: “Đắp đập ngăn sông để làm thủy điện đem lại nhiều lợi ích cho đời sống và sản xuất”. Bạn Minh nói: “Tớ lại nghĩ, làm thủy điện không chỉ mang lại lợi ích mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường và cuộc sống của người dân xung quanh”. Em đồng ý với ý kiến của bạn nào? Hãy nêu ví dụ để bảo vệ ý kiến của mình.
2. Tìm hiểu và giới thiệu về một lễ hội ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của khu di tích Đền Hùng trên bản đồ hoặc lược đồ, thời gian, địa điểm tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương hiện nay.
- Đọc sơ đồ khu di tích, xác định được một số công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng.
- Sử dụng tư liệu lịch sử và văn hoá dân gian, trình bày được những nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.
- Kể lại được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.
- Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.



Em có biết vì sao ngày 10-3 (âm lịch) lại được Nhà nước quy định là ngày nghỉ lễ? Ngày này có ý nghĩa như thế nào đối với người Việt Nam?



1 Khu di tích Đền Hùng



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí của khu di tích Đền Hùng trên lược đồ.

Khu di tích lịch sử Đền Hùng nằm trên địa bàn thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao và huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ. Các công trình kiến trúc chính của khu di tích Đền Hùng thuộc thành phố Việt Trì, bao gồm các đền, chùa trên núi Nghĩa Lĩnh, đền Tổ Mẫu Âu Cơ (xã Hy Cương); đền Quốc Tổ Lạc Long Quân (xã Chu Hoá).



Hình 1. Lược đồ hành chính tỉnh Phú Thọ



Quan sát hình 2, em hãy xác định một số công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng.



Đền Tổ Mẫu Âu Cơ



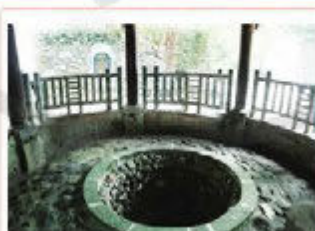
Đền Thượng



Lăng Vua Hùng



Đền Trung



Giếng cổ



Đền Giếng



Cổng Đền Hùng



Đền Hạ



Chùa Thiên Quang

Hình 2. Sơ đồ khu di tích Đền Hùng

2 Lễ giỗ Tổ Hùng Vương



Đọc thông tin và quan sát từ hình 3 đến hình 5, em hãy:

- Cho biết lễ giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra ở đâu và vào thời gian nào.
- Nêu một số nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương tại Đền Hùng (Phú Thọ) là nghi lễ lâu đời của người Việt. Từ thời nhà Nguyễn đã lấy ngày 10-3 (âm lịch) hằng năm làm ngày giỗ Tổ Hùng Vương. Đến năm 2001, Chính phủ quy định ngày 10-3 (âm lịch) là ngày Quốc lễ.

Em có biết?

Bia Hùng miếu điển lệ được dựng tại Đền Thượng (thời vua Khải Định, nhà Nguyễn) có ghi: "Nay phụng mệnh theo Bộ Lễ, chuẩn định ngày quốc tế tại miếu Tổ Hùng Vương là ngày mồng Mười tháng Ba..."



Hình 3.
Bia Hùng miếu điển lệ

Giỗ Tổ Hùng Vương – Lễ hội Đền Hùng gồm có phần lễ và phần hội. Phần lễ bao gồm:

Rước kiệu: đoàn rước có trống, chiêng, cờ, lọng, kiệu, hoa, lễ vật,... xuất phát từ chân núi Nghĩa Lĩnh qua cổng Đền Hùng đến Đền Hạ, Đền Trung rồi dừng lại ở Đền Thượng.

Lễ tế và dâng hương: lễ vật được dâng lên bàn thờ Vua Hùng và các vị thần linh. Chủ tế đọc văn tế, sau đó từng người lần lượt thắp hương để tưởng nhớ các Vua Hùng.



Hình 4. Rước kiệu lên Đền Thượng



Hình 5. Đoàn dâng hương tưởng nhớ Vua Hùng tại Đền Thượng



Trong lễ hội Đền Hùng, phần hội thường diễn ra những hoạt động gì?

Phần hội gồm có các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao, tổ chức các trò chơi dân gian,...



Hình 6. Thi gói bánh chưng ở lễ hội Đền Hùng



Hình 7. Hát Xoan ở lễ hội Đền Hùng

3 Truyền thuyết thời Hùng Vương



Đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, em hãy kể lại truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” và “Bánh chưng, bánh giầy”.

Từ xa xưa, trong dân gian đã lưu truyền nhiều truyền thuyết về thời Hùng Vương như: *Con Rồng cháu Tiên*; *Bánh chưng, bánh giầy*; *Phù Đổng Thiên Vương*;...

Truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên

Lạc Long Quân kết duyên với Âu Cơ và sinh được một bọc trăm trứng, nở được một trăm con. Đến một ngày, Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên. Nay ta đem năm mươi người con xuống biển còn năm mươi người con theo nàng lên núi và hãy giúp đỡ nhau. Âu Cơ cùng năm mươi người con ở Phong Châu, suy tôn người con trưởng làm vua, gọi là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang.



Hình 8.
Đền thờ Lạc Long Quân
(tỉnh Phú Thọ)

(Theo Trần Thế Pháp, *Lĩnh Nam chích quái*, NXB Trẻ, Hà Nội, 2013, tr. 36 – 38)

Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy

Để chọn người nối ngôi, Hùng Vương cho gọi các quan lang (con trai vua) đến và bảo rằng: các con hãy làm một món ăn để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon, vừa ý ta thì ta sẽ truyền ngôi cho.

Các quan lang đi tìm nhiều của ngon vật lạ. Chỉ có Lang Liêu không biết chọn món ăn gì, ngày đêm thao thức không yên. Một hôm, Lang Liêu được một vị thần báo mộng, dạy cho cách dùng gạo để làm bánh hình vuông tượng trưng cho đất, làm bánh hình tròn tượng trưng cho trời. Lang Liêu đã làm theo lời vị thần dạy, chọn lấy gạo nếp trắng, lấy lá gói thành hình vuông, cho nhân thịt vào giữa, đem nấu cho chín, gọi là bánh chưng. Lang Liêu lại lấy gạo nếp nấu thành xôi đem giã cho thật nhuyễn, nặn thành hình tròn, gọi là bánh giầy.



Hình 9. Bánh chưng, bánh giầy

Đến ngày hẹn, Hùng Vương cho gọi các quan lang đến dâng món ăn. Các quan lang dâng lên vua cha nhiều món ăn quý hiếm, chỉ có Lang Liêu là dâng bánh chưng, bánh giầy. Hùng Vương thấy làm lạ đã ăn thử thì thấy hương vị thơm ngon. Hùng Vương đã khen ngợi và truyền ngôi cho Lang Liêu.

(Theo Trần Thế Pháp, *Lĩnh Nam chích quái*, NXB Trẻ, Hà Nội, 2013, tr.58 – 59)



1. Kể tên những công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng.
2. Hãy phân loại những hoạt động dưới đây thuộc phần lễ hay phần hội trong lễ giỗ Tổ Hùng Vương:

Rước kiệu

Hát Xoan

Thi gói bánh chưng

Đọc văn tế

Dâng hương

Thi đấu thể thao



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Hãy giới thiệu tóm tắt về lễ giỗ Tổ Hùng Vương cho mọi người trong gia đình em.
2. Ngoài những câu chuyện đã học trong bài, hãy kể cho bạn một truyền thuyết có liên quan đến thời đại Hùng Vương.

VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Đọc đoạn thơ sau:

*"Tôi đi trên bờ đê sông Hồng
Một chiều mùa đông
Cây vàng chưa trút lá,
Ruộng vừa xanh sắc mạ,
Dòng sông đầy, nước đỏ phù sa."*

[Theo Hoàng Trung Thông, Trích bài thơ *Sông Hồng Hà, Quê hương chiến đấu, Thơ (1948 – 1954)*, NXB Văn Nghệ, 1955]

Em hãy cho biết những cảnh vật nào được nhắc đến trong đoạn thơ. Theo em, những cảnh vật đó có ở vùng đất nào của nước ta?



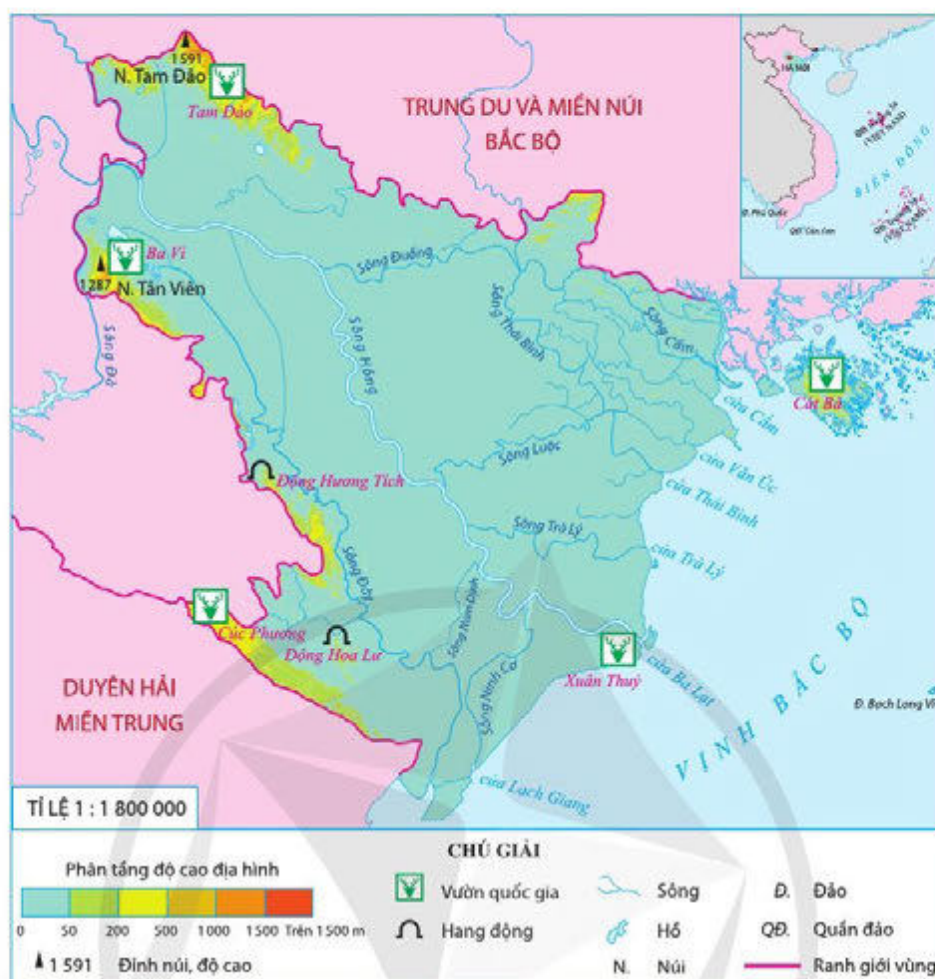
1 Vị trí địa lí



Quan sát hình 1, em hãy:

- Chỉ ranh giới vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Cho biết vùng Đồng bằng Bắc Bộ tiếp giáp với những vùng nào, vịnh biển nào.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác, tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ.



Hình 1. Lược đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ

2 Đặc điểm thiên nhiên

Địa hình



Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy nêu đặc điểm địa hình vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Hình 2. Một phần Đồng bằng Bắc Bộ (chụp từ trên cao)

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có địa hình khá bằng phẳng và thấp dần về phía biển. Trên bề mặt đồng bằng có một số đồi núi thấp, ô trũng và hệ thống đê. Phía trong đê gồm các khu đất cao và ô trũng, không được bồi đắp phù sa hàng năm. Phía ngoài đê, đất được bồi đắp phù sa hàng năm. Hiện nay, đồng bằng vẫn đang tiếp tục được mở rộng ra biển.

Đất



Đọc thông tin, em hãy nêu đặc điểm đất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều loại đất khác nhau. Phần lớn diện tích của đồng bằng có đất phù sa khá màu mỡ. Ngoài ra, ở ven biển có đất mặn, đất phèn,...

Khí hậu



Đọc thông tin, em hãy nêu đặc điểm khí hậu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ là nơi có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh, thường kéo dài từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Mùa đông nơi đây có nhiệt độ xuống thấp, chỉ sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Mùa hạ thường chịu ảnh hưởng của bão.

3 Thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi



Đọc bảng thông tin, em hãy trình bày một số thuận lợi, khó khăn của địa hình và sông ngòi đối với đời sống và sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

	Thuận lợi	Khó khăn
Địa hình	– Xây dựng nhà ở, các công trình; giao thông và sản xuất. – Vùng đồi núi và nhiều nơi có phong cảnh đẹp, thuận lợi phát triển du lịch.	Phía trong đê, đất dần bị bạc màu. Các vùng trũng bị ngập úng vào mùa mưa.
Sông ngòi	Cung cấp nước cho đời sống và sản xuất, là điều kiện để phát triển giao thông đường thủy.	Mùa lũ thừa nước, mùa cạn thiếu nước.

4 Một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên



Em hãy đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Để bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ, cần phải có những biện pháp dưới đây:

- Chống bạc màu đất bằng cách tăng cường sử dụng phân hữu cơ; hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, phân hoá học;...

- Thoát lũ vào mùa mưa và phát triển sản xuất cho phù hợp ở vùng trũng.
- Trồng và bảo vệ rừng ngập mặn để giữ đất, bảo vệ đa dạng sinh học ở khu vực ven biển.
- Xử lý rác thải, nước thải từ sinh hoạt, sản xuất,... để bảo vệ nguồn nước và đất khỏi bị ô nhiễm.

Em có biết?

Năm 1989, Xuân Thủy được công nhận là vùng đất ngập nước đầu tiên của Đông Nam Á tham gia Công ước Quốc tế RAMSAR [Công ước bảo tồn các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của những loài chim nước – Ramsar, Iran (Iran), 1971]. Năm 2003, nơi đây trở thành Vườn quốc gia Xuân Thủy.



Hình 6. Vùng đất ngập nước (một phần của Vườn quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định)



1. Xác định vị trí của Đồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng và sông Thái Bình trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
2. Lựa chọn đặc điểm địa hình hoặc sông ngòi ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ để hoàn thành sơ đồ theo gợi ý dưới đây.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Dựa vào đặc điểm khí hậu của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, theo em, người dân nơi đây trồng những loại rau gì vào mùa đông? Vì sao?
2. Địa phương em đã làm gì để khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước và đất?

Bài 7

DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư.
- Mô tả được một số hoạt động sản xuất truyền thống ở Đồng bằng Bắc Bộ.
- Mô tả được một hệ thống đê và nêu được vai trò của đê điều trong trị thủy.
- Mô tả được một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Cách đây hàng nghìn năm, con người đã sinh sống ở Đồng bằng Bắc Bộ. Đây là nơi có dân cư rất đông đúc với nhiều lễ hội đặc sắc. Đồng bằng Bắc Bộ nổi tiếng là vùng đất trăm nghề. Hãy kể tên một lễ hội hoặc nghề truyền thống ở Đồng bằng Bắc Bộ mà em biết.



1 Dân cư



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nêu tên những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có mật độ dân số từ 501 đến 1 000 người/km², từ 1 001 đến 1 500 người/km² và từ 1 501 người/km² trở lên.
- Nhận xét và giải thích về sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Người dân ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, nơi đây còn có một số dân tộc như: Mường, Tày, Thái, Dao,...

Em có biết?

Áo dài tứ thân của nữ và áo dài the của nam là trang phục truyền thống của người Kinh ở Đồng bằng Bắc Bộ. Hiện nay, trang phục này thường chỉ xuất hiện ở các lễ hội và những buổi biểu diễn nghệ thuật.



Hình 1. Áo dài tứ thân, áo dài the

Đồng bằng Bắc Bộ là nơi dân cư đông đúc nhất nước ta. Năm 2020, mật độ dân số trung bình của vùng là 1 431 người/km² (cả nước là 295 người/km²). Dân cư tập trung đông ở vùng trung tâm, thưa hơn ở phía rìa đồng bằng.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dân cư tập trung đông là do điều kiện tự nhiên thuận lợi, người dân sống ở đây từ lâu đời, có nhiều đô thị và trung tâm công nghiệp.



Hình 2. Lược đồ mật độ dân số ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ năm 2020

2 Hoạt động sản xuất

Trồng lúa nước



- Quan sát hình 3, em hãy mô tả một số hoạt động trong sản xuất lúa nước.
- Em có nhận xét gì về việc sản xuất lúa nước của người nông dân?

Trồng lúa nước là hoạt động sản xuất truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Nhờ có diện tích lớn, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có nhiều kinh nghiệm trồng lúa nên Đồng bằng Bắc Bộ đã trở thành vùng sản xuất lúa lớn thứ hai của Việt Nam.

Trước đây, hầu hết các công việc sản xuất lúa đều làm bằng sức người. Ngày nay, nhiều tiến bộ khoa học kĩ thuật và máy móc được áp dụng giúp nâng cao năng suất lúa, giảm bớt công sức của người nông dân.

Để có được những hạt lúa, người nông dân phải trải qua nhiều hoạt động khác nhau.



Hình 3. Một số hoạt động trong sản xuất lúa nước

Nghề thủ công truyền thống



Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy mô tả về nghề thủ công ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ là vùng có rất nhiều nghề thủ công khác nhau. Nhiều nghề đạt mức độ tinh xảo, tạo nên những sản phẩm nổi tiếng trong và ngoài nước như: lụa Vạn Phúc và gốm sứ Bát Tràng (thành phố Hà Nội), đồ gỗ Đồng Kỵ và đúc đồng Đại Bái (tỉnh Bắc Ninh), chạm bạc Đồng Xâm (tỉnh Thái Bình), sản phẩm từ cói Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình),...



A. Lụa Vạn Phúc



B. Đồ đúc đồng Đại Bái



C. Gốm sứ Bát Tràng



D. Sản phẩm từ cói Kim Sơn

Hình 4. Một số sản phẩm thủ công ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Để tạo nên một sản phẩm thủ công, những người thợ phải tiến hành các công đoạn khác nhau. Ví dụ các công đoạn chính tạo ra sản phẩm gốm ở Bát Tràng là: chọn và pha chế đất, tạo dáng gốm, phơi sấy, trang trí hoa văn, tráng men, nung gốm. Ngày nay, nhiều công việc sản xuất thủ công được áp dụng máy móc và công nghệ mới giúp cho sản phẩm ngày càng đa dạng, chất lượng và đẹp mắt.



Giới thiệu về quy trình tạo ra sản phẩm của một nghề thủ công ở Đồng bằng Bắc Bộ mà em đã tìm hiểu.

3 Hệ thống đê ở Đồng bằng Bắc Bộ

?

Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy mô tả hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ và cho biết vai trò của đê.

Hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ có tổng chiều dài hàng nghìn ki-lô-mét. Nhiều nơi đê có độ cao từ 6 m đến 8 m, có nơi cao hơn 10 m. Đây là công trình vĩ đại của người dân trong việc ngăn lũ của sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Hình 5. Một đoạn đê sông Hồng (tỉnh Nam Định)

Nhờ có hệ thống đê ven sông mà đời sống của người dân được đảm bảo hơn; dân cư phân bố rộng khắp đồng bằng; nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ phát triển; nhiều di tích lịch sử, văn hoá,... được lưu giữ. Bảo vệ và nâng cấp hệ thống đê là việc làm quan trọng, thường xuyên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

4 Một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Làng quê

?

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy mô tả về làng quê của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ trước kia và ngày nay.

Người dân ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ sống thành làng với nhiều ngôi nhà xây dựng gần nhau. Trước kia, làng ở Đồng bằng Bắc Bộ thường có lũy tre xanh bao bọc, có cổng vào làng. Mỗi làng có một ngôi đình thờ người có công với làng, với nước gọi là Thành hoàng. Một số làng còn có đền, chùa,... Ngày nay, làng có nhiều nhà hiện đại hơn, đường làng thường được đổ bê tông hoặc rải nhựa thuận tiện cho việc đi lại, có các công trình phục vụ công cộng như: nhà văn hoá, trường học,...

Làng là nơi người dân có mối liên kết chặt chẽ với nhau dựa trên quan hệ dòng họ, hàng xóm,... giúp đỡ nhau về vật chất, tinh thần, tạo nên nét đặc trưng của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



A. Một góc làng cổ Đường Lâm
(thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội)



B. Một góc xã Xuân Hoà
(huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định)

Hình 6. Làng ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Lễ hội



Quan sát các hình từ 7 đến 10 và kết hợp với hiểu biết của bản thân, em hãy kể tên một số lễ hội và hoạt động trong lễ hội ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Trong một năm, người dân ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều lễ hội. Lễ hội thường được tổ chức vào mùa xuân để cầu cho một năm mới mạnh khỏe, mùa màng bội thu, tạ ơn trời đất,... Trong lễ hội, người dân thường mặc trang phục truyền thống, tổ chức tế lễ và các hoạt động vui chơi, giải trí. Một số lễ hội nổi tiếng ở Đồng bằng Bắc Bộ như: hội Lim, hội chùa Hương, hội Gióng, hội Phủ Dầy,...



Hình 7. Lễ rước cổ về đền Mẫu
tại hội Gióng ở đền Phù Đổng
(thành phố Hà Nội)



Hình 8. Thi đấu cờ người tại hội Phủ Dầy
(tỉnh Nam Định)



Hình 9. Hát quan họ tại hội Lim
(tỉnh Bắc Ninh)



Hình 10. Trẩy hội chùa Hương
(thành phố Hà Nội)



Hãy chia sẻ thông tin về một lễ hội ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em đã tìm hiểu.



1. Vì sao Đồng bằng Bắc Bộ trở thành vùng sản xuất lúa nước lớn thứ hai của Việt Nam?
2. Hãy chia sẻ hiểu biết của mình về một số nét văn hoá đặc trưng (làng quê, lễ hội) của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Khi nói về vai trò của đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ, bạn Lan nói rằng: “Hệ thống đê ven sông có tác dụng chủ yếu trong việc trị thủy”. Bạn Tuấn lại cho rằng: “Hệ thống đê đã làm cho phần lớn diện tích đồng bằng không được bồi đắp thêm phù sa hằng năm”. Nếu là bạn cùng lớp, em sẽ nói gì với hai bạn? Tại sao?
2. Hãy giới thiệu về một hoạt động sản xuất truyền thống ở địa phương em. Theo em, cần làm gì để vừa có thể phát triển hoạt động sản xuất đó vừa bảo vệ môi trường địa phương?

Bài 8

SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Suy tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích tư liệu,...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.



Sông Hồng là dòng sông lớn ở miền Bắc Việt Nam. Trải qua hàng vạn năm, phù sa của sông Hồng đã không ngừng bồi tụ, tạo nên vùng Đồng bằng sông Hồng trù phú. Lưu vực sông Hồng cũng là địa bàn chính xuất hiện nền văn minh đầu tiên của người Việt.

Hãy chia sẻ những điều em biết có liên quan đến sông Hồng.



Hình 1. Một đoạn sông Hồng chảy qua thành phố Hà Nội



1 Vị trí và tên gọi khác của sông Hồng



- Quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của sông Hồng trên lược đồ.
- Sông Hồng còn có những tên gọi nào khác?

Sông Hồng bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc) chảy vào lãnh thổ Việt Nam qua nhiều tỉnh, thành phố và đổ ra Biển Đông.

Tên gọi sông Hồng xuất phát từ thực tế nước sông có màu đỏ phù sa. Ngoài ra, sông Hồng còn có các tên gọi khác như: sông Cái, Hồng Hà, Nhị Hà (hoặc Nhĩ Hà), sông Thao,...



Hình 2. Lưu đồ lưu vực sông Hồng

2 Văn minh sông Hồng



Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy trình bày một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.

Thành tựu tiêu biểu

Văn minh sông Hồng (còn được gọi là văn minh Văn Lang – Âu Lạc) của người Việt cổ với những thành tựu tiêu biểu như: ra đời nhà nước, thành Cổ Loa, trồng đồng Đông Sơn,...

Nhà nước Văn Lang (ra đời cách ngày nay khoảng 2700 năm) và nhà nước Âu Lạc (ra đời cách ngày nay khoảng 2300 năm).

Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là nước Văn Lang, chia nước làm 15 bộ, đặt tướng văn gọi là lạc hầu, tướng võ gọi là lạc tướng.

(Theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 133)

Thời Âu Lạc, người Việt cổ đã xây dựng được thành Cổ Loa và biết chế tạo nỏ bắn một lần được nhiều mũi tên đồng.



Hình 3. Lẫy nỏ và mũi tên đồng khai quật tại Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)

Trống đồng Đông Sơn là một tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu cho tài năng sáng tạo của người Việt cổ. Trống đồng Đông Sơn có nhiều loại, trong đó trống đồng Ngọc Lũ (xem trang 9) là một trong những trống đồng còn nguyên vẹn và đẹp. Trống đồng Đông Sơn được dùng trong lễ hội, làm hiệu lệnh chiến đấu,...

Đời sống vật chất và tinh thần



Đọc thông tin và quan sát từ hình 4 đến hình 7, kết hợp với một số truyền thuyết thời Hùng Vương (Bánh chưng, bánh giầy,...), em hãy mô tả đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.



Hình 4. Hình đôi nam nữ giã gạo (hoa văn trang trí trên mặt trống đồng)

Đời sống vật chất

Người Việt cổ sử dụng lương thực chính là gạo nếp, gạo tẻ; phổ biến là ở nhà sàn, nam thường đóng khố, mình trần; nữ mặc váy, áo yếm. Họ di chuyển chủ yếu trên sông bằng thuyền, bè.



Hình 5. Hình nhà sàn mái cong (hoa văn trang trí trên mặt trống đồng)



Hình 6. Hình thuyền (hoa văn trang trí trên thân trống đồng)

Đời sống tinh thần

Người Việt cổ có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, người có công, các vị thần tự nhiên như thần sông, thần núi, thần Mặt Trời,... Trong những ngày lễ hội họ thường nhảy múa, thổi khèn, đánh trống, đua thuyền,...



Hình 7.

Hình người hoá trang nhảy múa, thổi khèn (hoa văn trang trí trên mặt trống đồng)

3 Giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng



Đọc thông tin, em hãy:

- Cho biết giá trị của sông Hồng.
- Đề xuất một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

Sông Hồng mang lại nhiều giá trị cho phát triển kinh tế và đời sống dân cư như: cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất; giao thông đường thủy; nuôi trồng và khai thác thủy sản; phát triển du lịch,...

Tuy nhiên, sông Hồng hiện nay đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm và tình trạng sạt lở đất hai bên bờ.

Để giữ gìn và phát huy được giá trị của sông Hồng, nhiều biện pháp đã và đang được thực hiện như: tuyên truyền người dân không xả rác xuống sông, xử lý nghiêm hoạt động khai thác cát sỏi trái phép, quy hoạch không gian cảnh quan hai bờ sông, tổ chức các tuyến du dịch trên sông để du khách biết đến và trân trọng vẻ đẹp, giá trị của sông Hồng,...



Dựa vào kiến thức đã học, em hãy liệt kê những thành tựu tiêu biểu, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc theo gợi ý trong bảng dưới đây:

Thành tựu tiêu biểu	Đời sống vật chất và tinh thần
?	?



Đóng vai hướng dẫn viên của một tàu du lịch trên sông Hồng, hãy giới thiệu cho du khách về một số giá trị mà sông Hồng mang lại cho con người.

THĂNG LONG – HÀ NỘI

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được đặc điểm tự nhiên của Thăng Long thể hiện ở "Chiếu dời đô" của Lý Công Uẩn.
- Nêu được một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội thông qua các tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về Thăng Long tứ trấn, sự tích Hồ Gươm, Hoàng Diệu chống thực dân Pháp, chuyện Hà Nội đánh Mỹ.
- Sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
- Thể hiện được ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.



Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nơi có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Em hãy kể tên những địa danh, di tích, thắng cảnh của Hà Nội mà em biết.



1 Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội



Đọc thông tin và quan sát các hình 1, em hãy:

- Xác định vị trí của Thăng Long – Hà Nội trên lược đồ. Hà Nội tiếp giáp với những tỉnh nào?
- Nêu đặc điểm tự nhiên của Thăng Long được thể hiện trong "Chiếu dời đô" của Lý Công Uẩn. Thăng Long – Hà Nội còn có tên gọi nào khác?

Hà Nội nằm ở trung tâm Đồng bằng Bắc Bộ.

Qua các thời kì lịch sử, Hà Nội có nhiều tên gọi khác như: Tống Bình, Đại La, Thăng Long, Đông Đô, Đông Quan,...

Em có biết?

Tên gọi Thăng Long bắt nguồn từ sự kiện năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La và đặt tên cho kinh đô mới là Thăng Long. Năm 1831, dưới thời vua Minh Mạng, tỉnh Hà Nội được thành lập (Thăng Long thuộc tỉnh Hà Nội).



Hình 1. Lược đồ hành chính Hà Nội (năm 2022)

Chiếu dời đô của Lý Công Uẩn (năm 1010) có ghi:

... thành Đại La, “ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt, đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.241)

2 Một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội

Thăng Long tứ trấn

?

Đọc thông tin, quan sát từ hình 2 đến hình 5, em hãy cho biết vì sao gọi là “Thăng Long tứ trấn”.

Ở bốn phía của thành Thăng Long có 4 ngôi đền được gọi là “Thăng Long tứ trấn”, đó là đền Bạch Mã (trấn phía đông), đền Voi Phục (trấn phía tây), đền Kim Liên (trấn phía nam), đền Quán Thánh (trấn phía bắc).



Hình 2. Đền Bạch Mã



Hình 3. Đền Voi Phục



Hình 4. Đền Kim Liên



Hình 5. Đền Quán Thánh

Trong tín ngưỡng dân gian, 4 ngôi đền thờ các vị thần linh thiêng, trấn giữ bốn phía để bảo vệ kinh thành Thăng Long.

Sự tích Hồ Gươm

?

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy cho biết vì sao có tên gọi là Hồ Gươm.

Hồ Gươm nằm ở trung tâm của Thủ đô Hà Nội. Hồ Gươm cùng với Tháp Rùa, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn tạo thành một quần thể di tích lịch sử – văn hoá nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội.

Truyện xưa kể rằng, ở Thanh Hoá có người tên là Lê Thận, trong một lần thả lưới đánh cá đã vớt được một thanh gương báu. Về sau, Lê Thận tham gia nghĩa quân Lam Sơn và đã dâng tặng thanh gương cho Lê Lợi. Thanh gương này đã được Lê Lợi mang theo trong



Hình 6. Hồ Gươm (Hà Nội)

suốt cuộc khởi nghĩa, góp phần đánh đuổi giặc Minh xâm lược. Sau khi đánh thắng giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua và đóng đô ở Thăng Long. Một lần dạo chơi bằng thuyền trên hồ Tả Vọng, vua bắt chợt thấy rùa vàng nổi lên và nói "Xin bệ hạ hãy hoàn gương lại cho Long Quân". Nhà vua rút gương ra và trả lại cho rùa. Rùa liền ngậm lấy thanh gương rồi lặn xuống nước. Từ đó, hồ Tả Vọng có tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

(Theo Viện Nghiên cứu văn hoá, *Truyền thuyết dân gian người Việt*, Quyển 5, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009, tr.65 – 67)

Hoàng Diệu chống thực dân Pháp



Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy kể lại câu chuyện về Hoàng Diệu chống thực dân Pháp.

Thực dân Pháp đem tàu chiến đến gần thành Hà Nội và hằng ngày khiêu khích. Sáng ngày 25-4-1882, người Pháp đưa tối hậu thư buộc Hoàng Diệu phải đầu hàng và ngay sau đó đã tấn công thành Hà Nội. Hoàng Diệu lên mặt thành đốc quân chiến đấu quyết liệt. Mặc dù Hoàng Diệu và quân đội triều đình quyết tâm bảo vệ, nhưng trước sức tấn công của quân Pháp thành Hà Nội thất thủ. Để giữ trọn khí tiết, Hoàng Diệu đã tự tử.



Hình 7. Chân dung
Tổng đốc Hoàng Diệu
(tranh vẽ)

(Theo Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 8, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.518)

Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”



Đọc thông tin và quan sát hình 8, em hãy trình bày tóm tắt về chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

Từ ngày 18-12-1972, để huỷ diệt thành phố Hà Nội và các thành phố lớn của miền Bắc Việt Nam, Mỹ huy động hàng chục tốp máy bay B-52 và các loại máy bay khác ném bom vào cả bệnh viện, trường học, khu phố, bến xe,... ở Hà Nội làm cho hàng nghìn người chết và bị thương.

Quân dân miền Bắc trong đó có Hà Nội đã kiên cường đánh trả máy bay Mỹ, trong 12 ngày đêm (từ ngày 18-12-1972 đến ngày 29-12-1972) đã bắn rơi 81 máy bay của Mỹ, trong đó có 34 máy bay B-52. Thắng lợi này đã buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam, kí Hiệp định Pa-ri (Paris) năm 1973, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Với ý nghĩa to lớn đó, chiến thắng 12 ngày đêm còn được gọi là “Điện Biên Phủ trên không”.



Hình 8. Xác máy bay B-52 của Mỹ bị bắn rơi tại hồ Hữu Tiệp (Hà Nội)

3 Hà Nội – trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng



Đọc thông tin và quan sát từ hình 9 đến hình 12, em hãy nêu dẫn chứng để khẳng định Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.

Hà Nội là thủ đô của Việt Nam, là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương. Hà Nội cũng là nơi đặt trụ sở đại sứ quán của các nước có quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Hà Nội có nhiều ngành công nghiệp (cơ khí, hoá chất, điện tử, dệt may,...), khu công nghiệp và công nghệ cao (Nội Bài, Thăng Long, Sài Đồng, Hoà Lạc,...), nhiều trung tâm thương mại, siêu thị lớn,...

Hà Nội còn có nhiều di tích lịch sử – văn hoá nổi tiếng như: chùa Một Cột, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Nhà hát Lớn Hà Nội,... Hà Nội còn là nơi tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, bảo tàng, thư viện,...



Hình 9. Toà nhà Quốc hội



Hình 10. Chợ Đồng Xuân



Hình 11. Nhà hát Lớn Hà Nội



Hình 12. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



1. Vì sao Lý Công Uẩn lại chọn thành Đại La làm kinh đô?
2. Vì sao chiến thắng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 của nhân dân miền Bắc trong đó có Hà Nội lại được gọi là chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”?



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Hãy sưu tầm tư liệu và giới thiệu cho các bạn về một nhân vật hoặc một di tích lịch sử, văn hoá của Thăng Long – Hà Nội mà em yêu thích.
2. Hãy viết một đoạn văn thể hiện niềm tự hào của em về truyền thống lịch sử, văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.

VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được một số công trình tiêu biểu: Khuê Văn Các, Nhà bia Tiến sĩ, Văn Miếu, Quốc Tử Giám trên sơ đồ khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
- Đọc tư liệu lịch sử, mô tả được kiến trúc và chức năng của một trong các công trình Văn Miếu, Quốc Tử Giám, Nhà bia Tiến sĩ.
- Bày tỏ được cảm nghĩ về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn các di tích lịch sử.



Trong Luật Thủ đô (năm 2012), Khuê Văn Các tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội.

Vì sao Khuê Văn Các lại được chọn làm biểu tượng của Thủ đô Hà Nội? Ngoài Khuê Văn Các, Văn Miếu – Quốc Tử Giám còn có những công trình tiêu biểu nào khác?



Hình 1. Biểu tượng của Thủ đô Hà Nội



1 Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định một số công trình tiêu biểu của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Di tích lịch sử và kiến trúc Văn Miếu – Quốc Tử Giám là một trong những di tích Quốc gia đặc biệt của Việt Nam. Quần thể khu di tích gồm có Hồ Văn, khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám và vườn Giám.



Hình 2. Sơ đồ khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Văn Miếu



Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy mô tả kiến trúc và chức năng của một trong các công trình trong Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu để thờ Khổng Tử và các nhà nho có công trong việc phát triển Nho giáo. Văn Miếu gồm các công trình kiến trúc tiêu biểu như: Cổng Văn Miếu, Cổng Đại Trung, Khuê Văn Các, Nhà bia Tiến sĩ, Cổng Đại Thành, Khu Đại Thành.

Khuê Văn Các

Khuê Văn Các được xây dựng năm 1805, có kiến trúc độc đáo và thanh thoát, xung quanh trang trí phù điêu rồng với hoa lá. Tầng trên có kiến trúc mái gỗ, lợp ngói ống; lan can bằng gỗ. Cửa sổ tròn với các thanh gỗ toả ra bốn phía, tượng trưng cho sao Khuê. Bốn mặt của Khuê Văn Các có câu đối ca ngợi nền văn hoá dân tộc.

Nhà bia Tiến sĩ

Văn Miếu có 82 tấm bia tiến sĩ (tương ứng với 82 khoa thi) được dựng từ năm 1484 đến năm 1780. Nội dung các tấm bia ghi tên, quê quán, khoa thi của 1 304 tiến sĩ. Các nhà che bia làm bằng khung gỗ, lợp ngói mũi hài, nền lát gạch.

Nhà bia Tiến sĩ thể hiện sự tôn vinh người hiền tài và truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.

Em có biết?

Tháng 7-2011, 82 bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám được UNESCO ghi danh là Di sản Tư liệu Thế giới trên phạm vi toàn cầu. Tháng 1-2015, 82 bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám được Chính phủ công nhận là Bảo vật Quốc gia.



Hình 3. Bia Tiến sĩ

Quốc Tử Giám

Năm 1076, vua Lý Nhân Tông cho xây dựng Quốc Tử Giám phía sau Văn Miếu để làm nơi học tập của các hoàng tử và con của các quan đại thần. Đến thời Trần, Quốc Tử Giám còn nhận cả con nhà dân thường học giỏi vào học. Quốc Tử Giám có các công trình như: Cổng Thái Học, Khu Thái Học, Lầu Chuông, Lầu Trống.

Dưới thời vua Lê Thánh Tông, Văn Miếu – Quốc Tử Giám được trùng tu và mở rộng: Làm điện Đại Thành ở Văn Miếu cùng nhà đồng vu, tây vu, điện Canh Phục, kho chứa ván in và đồ tế lễ, nhà Minh Luân, giảng đường đông tây, nhà bia đông tây, phòng học của học sinh, xung quanh xây tường bao.

(Theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.493)

2 Một số biện pháp giữ gìn khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



Đọc thông tin và quan sát hình 4, hãy cho biết những biện pháp nào đã được thực hiện để giữ gìn khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Trải qua thời gian, do tác động của môi trường và con người, khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám dần bị xuống cấp. Để giữ gìn khu di tích Quốc gia đặc biệt này, Nhà nước đã đầu tư kinh phí để trùng tu, tôn tạo. Cơ quan quản lý Văn Miếu – Quốc Tử Giám cũng đã tiến hành nhiều hoạt động nhằm tuyên truyền đến khách tham quan về trách nhiệm bảo vệ môi trường, không xâm phạm hiện vật, tổ chức các chương trình giáo dục di sản cho học sinh.



Hình 4. Tìm hiểu về di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám và lịch sử Thăng Long – Hà Nội



1. Chức năng của Quốc Tử Giám khác Văn Miếu ở những điểm nào?
2. Hãy đề xuất một số biện pháp để giữ gìn các di tích lịch sử.



Hãy nêu cảm nghĩ của em về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam sau khi tìm hiểu về Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

1. a) Hãy giới thiệu một số nét tiêu biểu về địa phương em theo gợi ý dưới đây.

- ★ Tên địa phương em là gì?
- ★ Địa phương em ở vùng nào? Tiếp giáp với những tỉnh, thành phố nào?
- ★ Thiên nhiên ở địa phương em có đặc điểm gì nổi bật?
- ★ Địa phương em có những hoạt động kinh tế chủ yếu nào?
- ★ Giới thiệu nét văn hoá đặc sắc ở địa phương em.
- ★ Kể về một danh nhân tiêu biểu ở địa phương em.



b) Hãy nêu một điều em thích và một điều em còn băn khoăn về môi trường ở địa phương mình. Tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng môi trường đó.

2. a) Hãy cho biết em đã được học về những vùng nào dưới đây.



b) Hoàn thành bảng giới thiệu tóm tắt về vùng em đã học theo gợi ý dưới đây vào vở.

Vùng	?	?
Đặc điểm	?	?
Vị trí địa lí	?	?
Thiên nhiên	?	?
Dân cư	?	?
Hoạt động sản xuất	?	?
Một số nét văn hoá	?	?
Nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	?	?

c) Hãy giải thích tại sao có sự khác biệt về hoạt động sản xuất của hai vùng trên.

3. a) Hãy cho biết tên di tích lịch sử ở cột A tương ứng với tên vùng nào ở cột B mà em đã được học. Ghi kết quả vào vở.

CỘT A	CỘT B
1 Đền Hùng	A Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ
2 Thăng Long tứ trấn	B Vùng Đồng bằng Bắc Bộ
3 Hồ Gươm	C Vùng Duyên hải miền Trung
4 Văn Miếu – Quốc Tử Giám	D Vùng Tây Nguyên
5 Kinh thành Huế	E Vùng Nam Bộ
6 Lăng vua Tự Đức	
7 Chùa Thiên Mụ	
8 Nhà cổ Phùng Hưng	
9 Chùa Cầu	
10 Hội quán Phúc Kiến	
11 Bến cảng Nhà Rồng	
12 Dinh Độc Lập	
13 Địa đạo Củ Chi	

4. a) Em hãy cùng bạn sưu tầm tư liệu để hoàn thành bài giới thiệu về một trong các di tích lịch sử đã được học theo gợi ý ở bên.
- b) Em sẽ làm gì để góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của di tích lịch sử đó?

GIỚI THIỆU DI TÍCH

Tên di tích: ?

Người giới thiệu: ?

Lớp: ?

Thông tin chung (địa điểm, hiện trạng,...): ?

Thông tin thú vị (cách thức xây dựng, vật liệu, kiến trúc, lịch sử,...): ?

Đánh giá của cá nhân: ?

Em có thể đàn/ vẽ hình ảnh minh họa về di tích

VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

THIÊN NHIÊN VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp phòng chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai.



Hãy cho biết hình bên là cảnh thiên nhiên nào ở vùng Duyên hải miền Trung. Kể tên những cảnh thiên nhiên hoặc địa danh ở vùng Duyên hải miền Trung mà em biết.



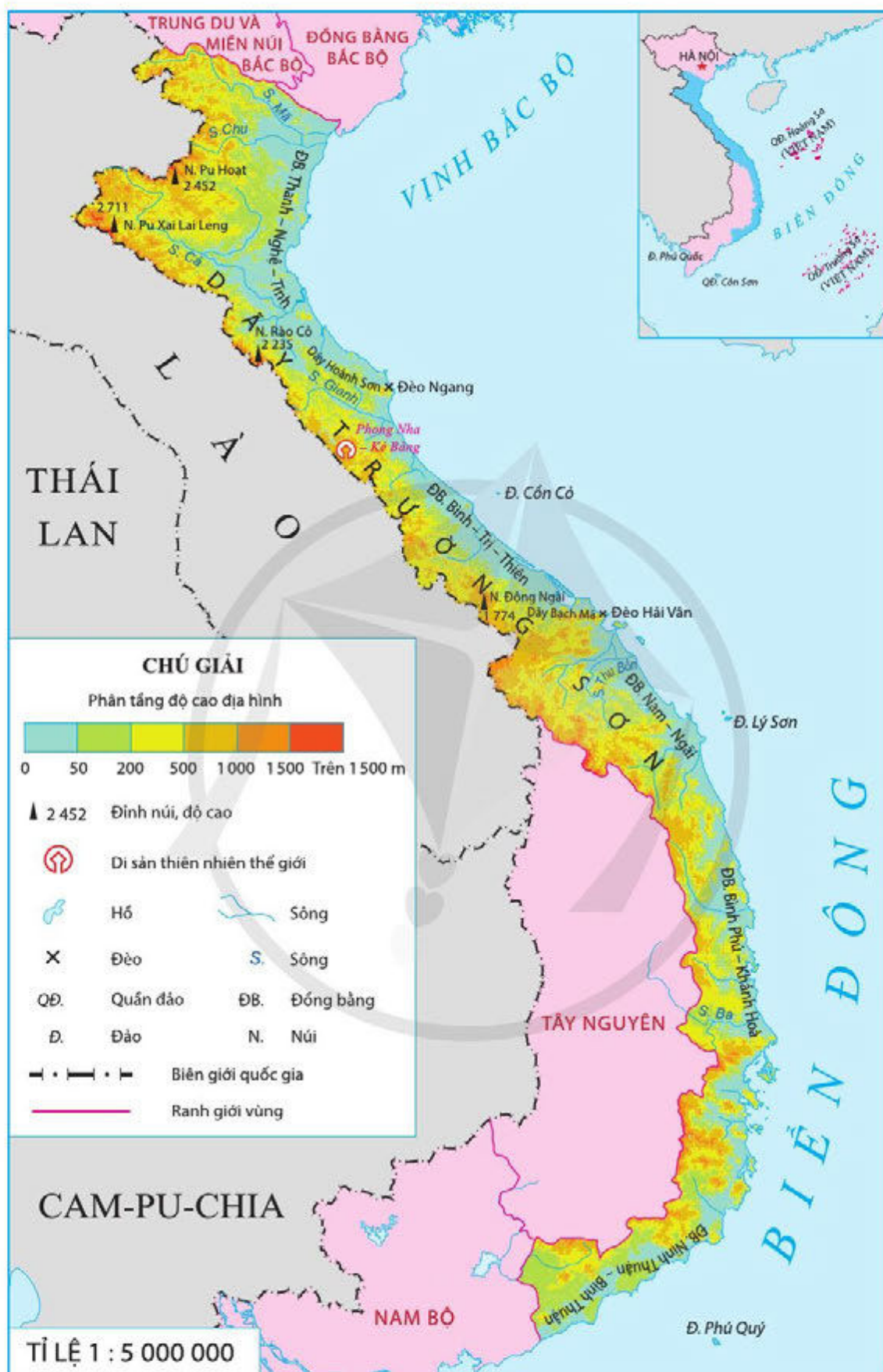
1 Vị trí địa lí



Quan sát hình 1, em hãy:

- Chỉ ranh giới của vùng Duyên hải miền Trung. Vùng Duyên hải miền Trung tiếp giáp với vùng nào, quốc gia nào và biển gì?
- Xác định vị trí của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Hai quần đảo đó thuộc tỉnh, thành phố nào ở nước ta?

Duyên hải miền Trung là vùng nằm ở giữa lãnh thổ nước ta, hẹp ngang; tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng đều giáp biển. Vùng biển có nhiều đảo, quần đảo; trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.



Hình 1. Lược đồ tự nhiên vùng Duyên hải miền Trung

2 Đặc điểm thiên nhiên

Địa hình



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Xác định trên lược đồ dãy Trường Sơn, dãy Bạch Mã, đèo Hải Vân, một số đồng bằng và Di sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Trình bày đặc điểm địa hình của vùng Duyên hải miền Trung.

Duyên hải miền Trung có địa hình đa dạng. Phần phía tây là dãy Trường Sơn. Phần phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp và bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển. Dọc ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá,... Trong vùng có Di sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng với nhiều hang động kì vĩ.

Em có biết?

Phong Nha – Kẻ Bàng đã được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới vào năm 2003 với nhiều giá trị đặc sắc như:

- Có hơn 300 hang động lớn nhỏ và kì vĩ như: hang Sơn Đoòng, động Thiên Đường, động Phong Nha,...
- Có rừng nguyên sinh với đa dạng sinh học cao.



Hình 2. Một góc Di sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Bình)

Khí hậu



Đọc thông tin, em hãy trình bày đặc điểm khí hậu ở vùng Duyên hải miền Trung.



Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt về khí hậu giữa phần phía bắc và phía nam dãy Bạch Mã.

Khí hậu ở vùng Duyên hải miền Trung mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Mùa mưa và bão tập trung vào thu đông (từ tháng 9 đến tháng 11). Khí hậu có sự khác biệt giữa phần phía bắc và phần phía nam dãy Bạch Mã. Phần phía bắc, mùa hạ nóng khô, mùa đông lạnh. Phần phía nam không có mùa đông lạnh. Đây là vùng chịu nhiều ảnh hưởng của bão và gió Tây khô nóng nhất nước ta.

Sông ngòi



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên một số sông ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Trình bày đặc điểm sông ngòi của vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều sông ngòi. Do địa hình hẹp ngang nên sông thường ngắn, dốc. Chế độ nước sông có hai mùa là mùa lũ và mùa cạn. Vào mùa lũ, nước sông lên nhanh nhưng cũng rút nhanh.

3 Tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất



Đọc thông tin và quan sát hình 3, 4, em hãy nêu một số tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có địa hình, khí hậu, đất đai đa dạng, thuận lợi để phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi. Sông ngòi tạo điều kiện xây dựng các nhà máy thủy điện và giao thông đường thủy.

Vùng biển giàu hải sản, dọc ven biển có nhiều vũng, vịnh, đầm phá,... thuận lợi cho xây dựng cảng biển, đánh bắt và nuôi trồng hải sản. Khí hậu nắng nóng, nước biển có độ mặn cao, tạo điều kiện cho sản xuất muối. Trong vùng có di sản thiên nhiên thế giới, nhiều bãi biển đẹp, các đảo ven bờ,... thuận lợi cho phát triển du lịch.

Tuy nhiên, đây là vùng có nhiều thiên tai như: bão, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất,... gây thiệt hại lớn cho sản xuất và đời sống của người dân.



Hình 3. Ngập lụt ở tỉnh Quảng Trị (tháng 10-2020)



Hình 4. Hạn hán ở tỉnh Bình Định (tháng 7-2019)

4 Một số biện pháp phòng chống thiên tai



Đọc thông tin và kết hợp với hiểu biết của bản thân, em hãy đề xuất một số biện pháp để phòng chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.

Chính quyền và người dân ở vùng Duyên hải miền Trung có nhiều biện pháp nhằm làm giảm tác động tiêu cực của thiên nhiên và phòng chống thiên tai. Một số biện pháp cụ thể là:

- Tăng cường trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phi lao chắn cát,...
- Xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi để tưới tiêu và chống lũ.
- Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kĩ năng về phòng chống thiên tai.
- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước.



1. Tóm tắt một đặc điểm thiên nhiên (địa hình hoặc khí hậu, sông ngòi) và tác động của nó đối với đời sống, sản xuất của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung theo gợi ý dưới đây.



2. Em sẽ làm gì để chia sẻ và giúp đỡ người dân khi họ gặp phải thiên tai?



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Hãy viết các việc cần làm trước, trong và sau lũ lụt.
2. Tìm hiểu và giới thiệu một cảnh quan thiên nhiên ở Vùng Duyên hải miền Trung.

DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể được tên một số bãi biển, cảng biển của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Xác định được các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng Duyên hải miền Trung, có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).



Ở vùng Duyên hải miền Trung, các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân thường gắn liền với biển và đây cũng là vùng có nhiều di sản văn hoá thế giới. Hãy kể tên và chia sẻ những điều em biết về một hoạt động kinh tế biển hoặc một di sản văn hoá ở Duyên hải miền Trung.



1 Dân cư



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Cho biết một số vật dụng chủ yếu trong đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều dân tộc khác nhau cùng sinh sống như: Kinh, Chăm, Mường, Thái, Bru Vân Kiều, Cơ Tu,... Dân tộc Kinh và Chăm tập trung đông ở đồng bằng ven biển. Các dân tộc khác sống thưa thớt hơn ở miền núi phía tây.



Hình 1. Đồ gốm của người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận

Các vật dụng chủ yếu trong sản xuất của người dân sống ở ven biển là: thuyền, lưới đánh cá,... Người Chăm nổi tiếng với đồ gốm như: nồi, bầu đựng nước,... Các dân tộc ở miền núi có những vật dụng đặc trưng riêng như: gùi, cọn nước, khung cửi dệt vải,...

2 Hoạt động sản xuất

Các hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân ven biển miền Trung là: đánh bắt và nuôi trồng hải sản, sản xuất muối, du lịch biển, giao thông vận tải đường biển,...

Đánh bắt và nuôi trồng hải sản

?

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

- Kể tên một số sản phẩm chủ yếu và cách đánh bắt hải sản của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể tên các loài hải sản được nuôi trồng chủ yếu và các hình thức nuôi hải sản ở vùng Duyên hải miền Trung.

Đánh bắt và nuôi trồng hải sản phát triển ở tất cả các tỉnh, thành phố của vùng. Sản phẩm đánh bắt chủ yếu là: cá, mực, tôm,... Có nhiều cách đánh bắt khác nhau như: đánh bắt bằng lưới vây, lưới kéo, cần câu,... Người dân đã đầu tư các tàu lớn để đánh bắt hải sản xa bờ mang lại hiệu quả cao.



Hình 2. Tàu đánh cá của người dân ven biển miền Trung



Hình 3. Nuôi cá lồng trên biển ở tỉnh Khánh Hoà

Nuôi trồng hải sản được phát triển mạnh ở Duyên hải miền Trung. Các loài hải sản được nuôi phổ biến là: tôm sú, tôm hùm, cá, ngao, hàu, bào ngư, ốc hương, cua,... với nhiều hình thức khác nhau như: nuôi cá lồng bè trên biển, nuôi tôm trên cát, nuôi tôm nước lợ,... Diện tích nuôi trồng hải sản ngày càng được mở rộng, trong đó diện tích nuôi tôm nước lợ là lớn nhất.

Sản xuất muối



Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy:

- Kể tên một số vật dụng chủ yếu trong sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu hoạt động sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung.

Sản xuất muối đã có từ lâu đời ở vùng Duyên hải miền Trung. Các cánh đồng muối nổi tiếng là: Sa Huỳnh (tỉnh Quảng Ngãi); Hòn Khói (tỉnh Khánh Hoà); Cà Ná, Phương Cựu (tỉnh Ninh Thuận);...



A. Phơi nước biển trong các ruộng muối



B. Vun muối bằng chạng



C. Gánh muối

Hình 4. Hoạt động sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung

Du lịch biển



Đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số bãi tắm ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu một số hoạt động du lịch biển ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều bãi biển đẹp như: Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Mỹ Khê, Nha Trang,... Hoạt động du lịch biển ngày càng phát triển, thu hút được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước với nhiều loại hình như: tắm biển, nghỉ dưỡng, tham quan các danh lam thắng cảnh,...

Giao thông vận tải đường biển



Đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số cảng biển ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu hoạt động giao thông vận tải biển ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều cảng biển lớn như: Nghi Sơn, Cửa Lò, Vũng Áng, Chân Mây, Đà Nẵng, Cam Ranh,... Trong đó, cảng Đà Nẵng là một trong những cảng quốc tế lớn ở nước ta. Vùng Duyên hải miền Trung còn là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và hai nước Lào, Cam-pu-chia. Giao thông đường biển của vùng chủ yếu là chuyên chở hàng hoá đến các vùng trong nước và các nước trên thế giới.

3 Một số nét văn hoá

Duyên hải miền Trung là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử và có nền văn hoá lâu đời. Những nét văn hoá tiêu biểu của vùng được thể hiện qua các lễ hội truyền thống, di sản văn hoá thế giới, di tích lịch sử – văn hoá,...

Lễ hội truyền thống



Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy:

- Kể tên một số lễ hội truyền thống ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Trình bày một số nét về một lễ hội ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 5. Lễ Nghinh Ông trên biển trong lễ hội Cầu Ngư ở tỉnh Khánh Hoà

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều lễ hội như: lễ hội Cầu Ngư của người dân ven biển; lễ hội Tháp Bà, lễ hội Ka-tê (Kate) của người Chăm;...

Lễ hội Cầu Ngư gắn với tục thờ cúng cá Ông (cá voi) của người dân ven biển miền Trung. Theo truyền thuyết, cá voi thường cứu giúp ngư dân khi gặp nạn trên biển. Lễ hội là dịp để người dân tỏ lòng biết ơn với công đức

của cá Ông và cầu mong mùa đánh cá bội thu. Lễ hội gồm hai phần: phần lễ diễn ra trang trọng với lễ rước, lễ tế theo nghi thức truyền thống; phần hội với các trò chơi dân gian gắn với hoạt động sản xuất trên biển như: lắc thúng, đua thuyền, bơi lội, đan lưới,...

Lễ hội Ka-tê là lễ hội dân gian lâu đời của người Chăm, được tổ chức vào khoảng tháng 9, tháng 10 hằng năm (tháng 7 theo lịch Chăm). Các nghi lễ chính là: rước y trang, mở cửa tháp chính,.... Sau phần lễ là phần hội với các trò chơi dân gian đặc trưng của người Chăm như: thi giã gạo, thi đi cà kheo, làm bánh gừng,...

Di sản văn hoá thế giới



Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy:

- Xác định trên lược đồ các di sản văn hoá vật thể và di sản tư liệu thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể tên các di sản văn hoá vật thể, di sản tư liệu thế giới và một số di sản văn hoá phi vật thể ở vùng Duyên hải miền Trung.

Duyên hải miền Trung là vùng đất của các di sản thế giới. Ngoài Di sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng, vùng có 4 di sản văn hoá vật thể, 2 di sản tư liệu thế giới (tính đến năm 2020) và nhiều di sản văn hoá thế giới phi vật thể như: Âm nhạc cung đình Việt Nam – Nhã nhạc (triều Nguyễn); Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; Nghệ thuật bài Chòi Trung Bộ;...



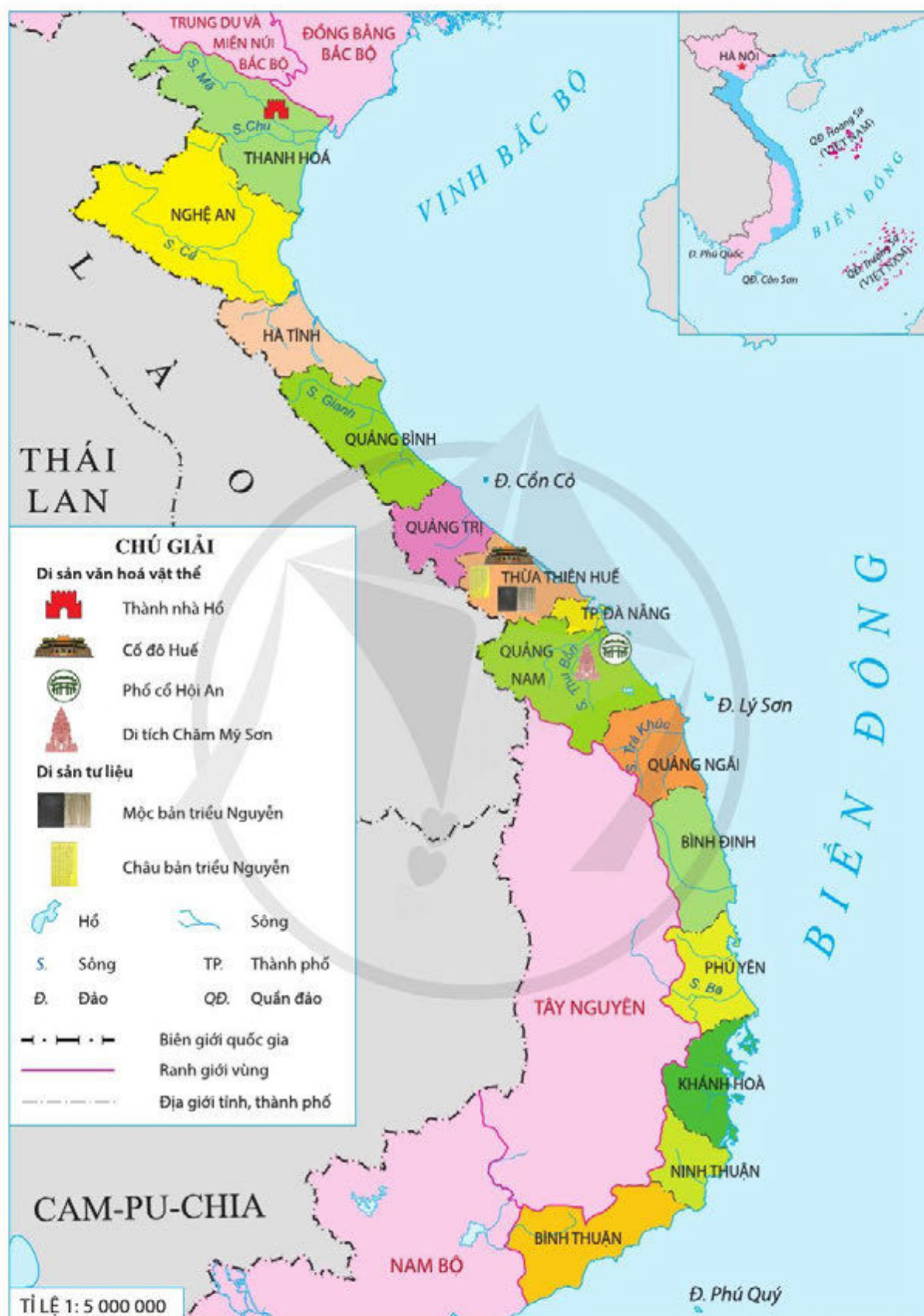
Giới thiệu một số nét về Khu di tích Chăm Mỹ Sơn mà em đã tìm hiểu.

Em có biết?

Khu di tích Chăm Mỹ Sơn (huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam) là một quần thể kiến trúc nổi tiếng do người Chăm xây dựng. Tháng 12-1999, khu di tích được Ủy ban Di sản Thế giới UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới.



Hình 6. Khu di tích Chăm Mỹ Sơn (tỉnh Quảng Nam)



Hình 7. Lược đồ các di sản văn hoá vật thể và di sản tư liệu thể giới ở vùng Duyên hải miền Trung



1. Kể tên các hoạt động sản xuất chủ yếu ở vùng Duyên hải miền Trung. Tại sao các ngành kinh tế biển lại phát triển ở vùng này?
2. Vẽ vào vở sơ đồ "Con đường di sản miền Trung" ghi tên hoặc dán ảnh các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung (bao gồm di sản thiên nhiên, di sản văn hoá vật thể) và các tỉnh có di sản đó theo gợi ý dưới đây.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung.
2. Làm một sản phẩm (vẽ tranh hoặc viết đoạn văn ngắn, áp phích,...) để tuyên truyền mọi người về việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị các di sản thế giới hoặc bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

13

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cố đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được vẻ đẹp của Cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu như: Kinh thành Huế, chùa Thiên Mụ, các lăng của vua Nguyễn,...
- Kể lại được một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế.
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.



Năm 1993, UNESCO đã ghi danh Quần thể di tích Cố đô Huế là Di sản Văn hoá Thế giới.

Vậy Cố đô Huế có cảnh quan thiên nhiên, những công trình tiêu biểu và có câu chuyện lịch sử liên quan nào?



Hình 1. Cổng Ngọ Môn (Quần thể di tích Cố đô Huế)



1 Vị trí địa lí



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Quần thể di tích Cổ đô Huế.

Quần thể di tích Cố đô Huế gồm hệ thống các công trình kiến trúc liên quan đến triều Nguyễn, phân bố ở thành phố Huế, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và các huyện Phú Vang, Phú Lộc, thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.



Hình 2. Lược đồ hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế

2 Về đẹp của Cố đô Huế

Vẻ đẹp của Cố đô Huế là sự kết hợp hài hoà giữa các công trình kiến trúc cổ kính như: Kinh thành Huế, chùa Thiên Mụ, lăng của các vua nhà Nguyễn,... với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp như: sông Hương, núi Ngự,...



Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy mô tả vẻ đẹp thiên nhiên của Cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự.

Sông Hương

Sông Hương chảy qua thành phố Huế. Nước sông Hương có màu xanh ngọc, chảy lững lờ qua thành phố, qua các làng mạc yên bình, các di tích lịch sử cổ kính kết hợp với cảnh quan thiên nhiên hai bên bờ sông tạo nên vẻ đẹp huyền bí mà thơ mộng. Nổi hai bờ sông Hương có nhiều cây cầu nhưng nổi tiếng nhất là cầu Trường Tiền.



Hình 3. Cầu Trường Tiền bắc qua sông Hương

Núi Ngự

Núi Ngự (hoặc núi Ngự Bình) nằm cách trung tâm thành phố Huế khoảng 4 km về phía nam. Trước đây, núi Ngự được coi như hệ thống thành lũy tự nhiên đồ sộ, kiên cố, bảo vệ Kinh thành Huế. Ngày nay, núi Ngự vẫn rợp bóng thông xanh ngát. Từ trên đỉnh núi, có thể nhìn ngắm sông nước, cung điện, chùa chiền, lăng tẩm và vẻ đẹp thơ mộng của Cố đô Huế.



Hình 4. Sông Hương, núi Ngự nhìn từ Kinh thành Huế

Chùa Thiên Mụ



Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy mô tả vẻ đẹp của chùa Thiên Mụ.

Chùa Thiên Mụ (còn gọi là chùa Linh Mụ) là một ngôi chùa cổ ở phía tây của thành phố Huế. Chùa nằm trên một ngọn đồi bên dòng sông Hương, được bao quanh bởi rừng thông, cây cối xanh mát. Điểm nhấn của chùa là toà tháp Phước Duyên có hình bát giác, cao 22 m, gồm 7 tầng.



Hình 5. Quang cảnh chùa Thiên Mụ

Kinh thành Huế



Đọc thông tin và quan sát các hình 6, em hãy mô tả kiến trúc của Kinh thành Huế.

Kinh thành Huế được xây dựng cách ngày nay hơn 200 năm và sau gần 30 năm thì hoàn thành. Với chu vi khoảng 9 km, Kinh thành Huế có hình gần như vuông, đường chia ô cờ, với ba vòng thành (Kinh thành, Hoàng thành, Tử Cấm thành). Hoàng thành và Tử Cấm thành được gọi chung là Hoàng Cung hay Đại Nội.



Hình 6. Toàn cảnh Kinh thành Huế

3 Các câu chuyện lịch sử



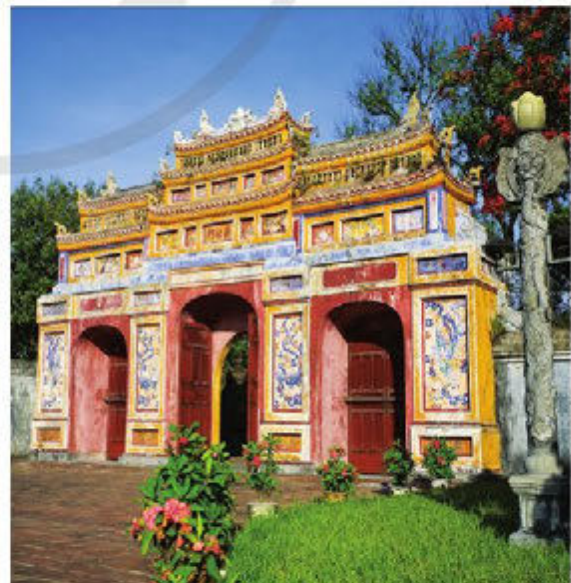
Đọc thông tin, em hãy kể lại câu chuyện Hoàng Thái hậu Từ Dũ dạy con và câu chuyện Vua Tự Đức đổi tên lăng.

Hoàng Thái hậu Từ Dũ dạy con

Em có biết?

Hoàng Thái hậu Từ Dũ, mẹ của vua Tự Đức nổi tiếng là người dạy dỗ con nghiêm khắc. Có lần vua Tự Đức mãi vui mà bỏ việc triều chính, khi trở về có đến xin lỗi mẹ, nhưng bà sai người đóng cửa cung Diên Thọ không cho vào. Nhà vua phải đứng chờ rất lâu, sau bà cho gọi vào và dạy: “Nước đang có nhiều việc rồi, Hoàng đế đã không lo lắng mà còn vui chơi được sao? Biết lỗi với ta chỉ là phụ, biết lỗi với dân mới là chính. Thôi, hãy mau trở về cùng các quan bàn quốc kế”.

(Theo Lê Minh Quốc,
Các vị nữ danh nhân Việt Nam,
NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr. 91)



Hình 7. Cổng cung Diên Thọ

Vua Tự Đức đổi tên lăng

Ban đầu, vua Tự Đức lấy tên lăng là Vạn Niên Cơ với mong muốn được trường tồn. Nhưng trong quá trình xây dựng lăng, thợ thuyền, dân phu và binh lính phải lao động vất vả trong điều kiện khắc nghiệt, khổ cực. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Chày Vôi (dân binh dùng chính chày giã vôi tại công trường làm vũ khí nổi dậy). Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng vua đã đổi tên Vạn Niên Cơ thành Khiêm Cung (chữ Khiêm nghĩa là cung kính, nhún nhường).

(Theo Thi Long, Nhà Nguyễn chín chúa – mười ba vua, NXB Đà Nẵng, 2011, tr.133 – 134)



Hình 8. Toàn cảnh lăng Tự Đức

4 Một số biện pháp bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế

?

Đọc thông tin và quan sát hình các 9, 10, em hãy đề xuất một số biện pháp bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.

Do thời gian và quá trình đô thị hoá cùng với những ảnh hưởng của thiên tai đã khiến nhiều di tích ở Cố đô Huế bị xuống cấp. Để bảo tồn và giữ gìn giá trị của Cố đô Huế, nhiều biện pháp đã được thực hiện như: sử dụng khoa học, công nghệ trong bảo tồn, tu bổ, phục hồi di tích; hạn chế các phương tiện vào Đại Nội; trồng thêm cây xanh; tích cực quảng bá hình ảnh Cố đô Huế đến du khách trong và ngoài nước.



Hình 9. Trùng tu Ngọ Môn bằng công nghệ cao



Hình 10. Phết-xi-van (Festival) Huế 2018



1. Kể tên các công trình kiến trúc, cảnh đẹp hoặc câu chuyện về Cố đô Huế mà em yêu thích.
2. Tại sao phải bảo tồn và giữ gìn giá trị của Cố đô Huế?



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Đề xuất các ý tưởng để quảng bá hình ảnh của Cố đô Huế đến du khách trong và ngoài nước.
2. Thiết kế bưu thiếp chủ đề Cố đô Huế theo gợi ý dưới đây:
 - Bưu thiếp có chiều dài 12 cm, chiều rộng 9 cm.
 - Mặt trước có hình ảnh về công trình kiến trúc hoặc cảnh đẹp của Cố đô Huế.
 - Mặt sau có thông tin về công trình hoặc cảnh đẹp đó.

Bài 14

PHỐ CỔ HỘI AN

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, chùa Cầu Nhật Bản,...) có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.



Mặt sau của tờ tiền mệnh giá 20 000 đồng được lưu hành ở Việt Nam từ năm 2006 có in phong cảnh Chùa Cầu ở phố cổ Hội An. Em có biết phố cổ Hội An nằm ở đâu không? Ngoài Chùa Cầu còn có những công trình kiến trúc tiêu biểu nào tạo nên nét đặc sắc của phố cổ này?



Hình 1. Mặt sau tờ tiền mệnh giá 20 000 đồng

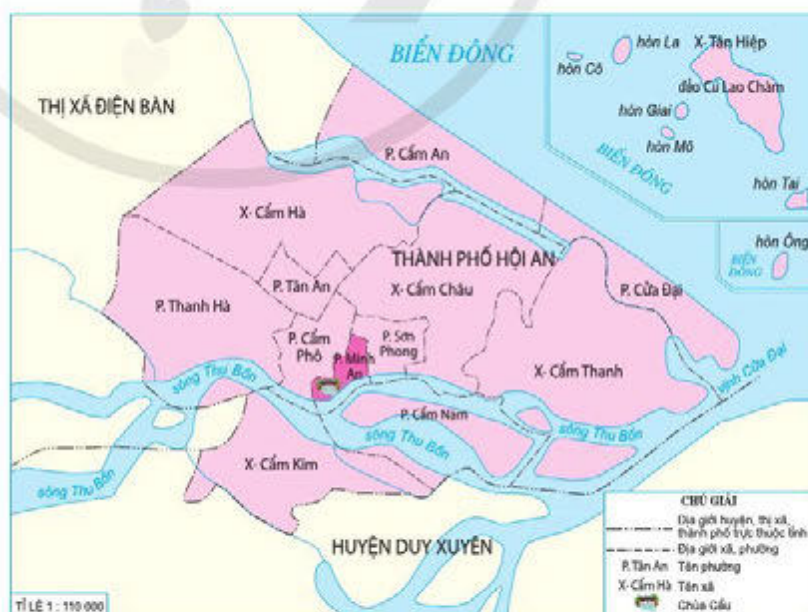


1 Vị trí địa lí



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của phố cổ Hội An.

Phố cổ Hội An nằm ven dòng sông Thu Bồn, nay thuộc phường Minh An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 30 km về phía nam.



Hình 2. Lược đồ hành chính thành phố Hội An

2 Một số công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An

Phố cổ Hội An có khoảng 1 130 di tích gồm: nhà ở, giếng, chợ, đình chùa, hội quán, nhà thờ. Trong đó, nổi bật nhất là các công trình như: Nhà cổ Phùng Hưng, Hội quán Phúc Kiến, Chùa Cầu.

Nhà cổ Phùng Hưng



Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy mô tả những nét độc đáo trong kiến trúc của Nhà cổ Phùng Hưng.

Nhà cổ Phùng Hưng đã có lịch sử hơn 200 năm. Vật liệu xây dựng chủ đạo là gỗ, gạch, ngói âm dương. Kiến trúc của ngôi nhà chịu ảnh hưởng của hai nền văn hoá Trung Hoa, Nhật Bản.



Hai mắt cửa



Trần gỗ uốn cong ở hiên tầng 2



Mái nhà ở gian giữa có bốn hướng



Hình 3. Mặt tiền Nhà cổ Phùng Hưng

Hội quán Phúc Kiến



Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy mô tả kiến trúc của Hội quán Phúc Kiến.

Lúc mới xây dựng năm 1697, Hội quán là một ngôi chùa nhỏ của người Việt. Về sau, cộng đồng người Hoa gốc Phúc Kiến (Trung Quốc) đã tu bổ, tôn tạo, đổi tên thành Hội quán Phúc Kiến để thờ thần, các vị tiền bối và là nơi hội họp của những người cùng quê. Đây là hội quán lớn nhất Hội An với kiến trúc bề thế, trang trọng và những nét chạm khắc tinh xảo, sống động.



Hình 4. Hội quán Phúc Kiến

Chùa Cầu



Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy:

- Mô tả nét kiến trúc độc đáo của Chùa Cầu.
- Kể lại truyền thuyết về Chùa Cầu.

Chùa Cầu là ngôi chùa nằm trên chiếc cầu bắc ngang qua con lạch nhỏ trong phố cổ Hội An. Ban đầu, cầu do các thương nhân Nhật Bản xây dựng. Năm 1653, cầu được nối thêm một gian nhô ra ở giữa để làm chùa,

gọi là Chùa Cầu. Chùa Cầu là một công trình kiến trúc độc đáo với chùa và cầu gắn với nhau thành một thể thống nhất. Hiện nay, Chùa Cầu là biểu tượng của thành phố Hội An.

Theo truyền thuyết, ở ngoài đại dương có một loài thủy quái, đầu của nó nằm ở Ấn Độ, đuôi ở Nhật Bản và lưng vắt qua Hội An. Mỗi khi thủy quái quấy mình, nước Nhật sẽ bị động đất, Hội An sẽ bị ngập lụt. Vì thế, cầu được người Nhật xây dựng (thường gọi là Cầu Nhật Bản) với ý nghĩa như một thanh kiếm cắm vào sống lưng thủy quái, ngăn không cho nó quấy mình, để bảo vệ yên bình cho người dân.

(Theo Trần Văn An, *Đôi điều về truyền thuyết “Trần Cù dấy” ở Hội An*,
Bản tin Bảo tồn Di sản, Số 03 (15) – 2011, tr.31 – 34)



Hình 5. Chùa Cầu

3 Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An

?

Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy đề xuất một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An.

Do thời gian, ảnh hưởng của thiên tai và quá trình đô thị hoá làm cho nhiều di tích ở Hội An xuống cấp.

Để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An, cần thực hiện một số biện pháp sau: trùng tu, tôn tạo di tích song song với việc bảo đảm nguyên gốc kiến trúc, cấu trúc cổ, tránh làm biến dạng di tích; xây dựng không gian xanh bên trong và bao quanh phố cổ; xây dựng hệ thống xử lý rác hiện đại; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cư dân, khách du lịch; tích cực tuyên truyền, quảng bá vẻ đẹp của phố cổ Hội An,...



Hình 6. Chèn, chống cột bảo vệ di tích



Hình 7. Khách du lịch vớt rác trên sông ở Hội An



1. Dựa vào thông tin trong mục 2, em hãy hoàn thành bảng thống kê công trình kiến trúc tiêu biểu ở Hội An theo gợi ý dưới đây:

Tên công trình	Nét độc đáo về kiến trúc	Biện pháp bảo tồn, phát huy
?	?	?
?	?	
?	?	

2. Tại sao Chùa Cầu được sử dụng làm biểu tượng của phố cổ Hội An?



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

- Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một công trình kiến trúc nổi tiếng của Hội An mà em yêu thích.
- Thiết kế "Sổ tay hướng dẫn du lịch văn minh ở phố cổ Hội An" dành cho học sinh, trong đó có các lưu ý về giữ gìn môi trường và bảo vệ di sản.

VÙNG TÂY NGUYÊN

THIÊN NHIÊN VÙNG TÂY NGUYÊN

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên của vùng Tây Nguyên.
- Nêu được nét điển hình của khí hậu thông qua đọc bảng số liệu về lượng mưa, nhiệt độ của một địa điểm ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.



Hãy quan sát hình 1 và cho biết cảm nhận của em về thác Prenn.

Theo em, vùng nào của nước ta có nhiều thác nước đẹp nổi tiếng?



Hình 1. Thác Prenn
(thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)



1 Vị trí địa lí



Quan sát hình 2, em hãy:

- Chỉ ranh giới của vùng Tây Nguyên.
- Cho biết vùng Tây Nguyên tiếp giáp với những vùng nào, quốc gia nào.

Tây Nguyên là vùng duy nhất ở nước ta không giáp biển; bao gồm 5 tỉnh, theo thứ tự từ bắc vào nam là: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

2 Đặc điểm thiên nhiên

Địa hình



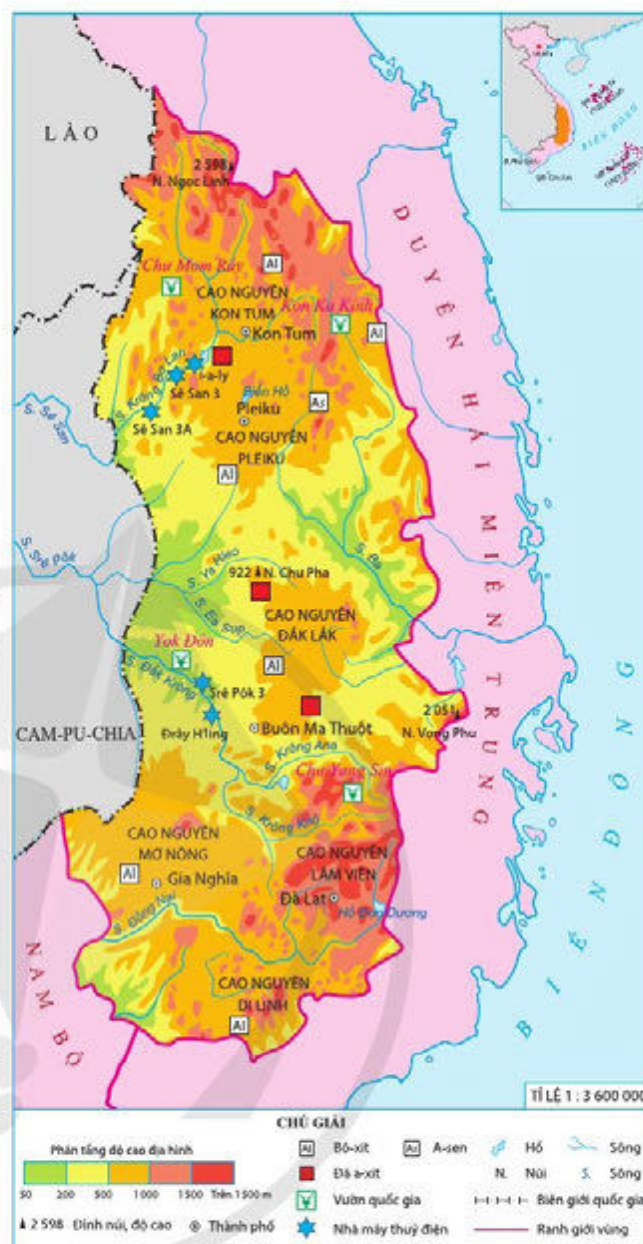
Quan sát hình 2 và bảng 1, em hãy:

- Xác định vị trí các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên. Nêu tên cao nguyên cao nhất và cao nguyên thấp nhất.
- Trình bày đặc điểm địa hình của vùng Tây Nguyên.

Địa hình của vùng Tây Nguyên bao gồm nhiều cao nguyên với mặt bằng rộng lớn và có độ cao khác nhau.

Bảng 1. Độ cao trung bình của các cao nguyên

Cao nguyên	Độ cao trung bình (m)
Kon Tum	500
Pleiku	800
Đắk Lắk	500
Mơ Nông	800
Lâm Viên	1 500
Di Linh	1 000



Hình 2. Lược đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên



Hình 3. Một phần cao nguyên Kon Tum



Hãy chia sẻ thông tin về một cao nguyên ở vùng Tây Nguyên mà em đã tìm hiểu.

Khí hậu



- Dựa vào bảng 2, em hãy nhận xét về nhiệt độ trung bình tháng; lượng mưa vào mùa mưa và mùa khô ở Pleiku.
- Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy nêu nét điển hình của khí hậu ở vùng Tây Nguyên.

Bảng 2. Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng ở Pleiku

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	19	21	23	24	24	23	22	22	22	22	21	19
Lượng mưa (mm)	3	7	28	95	226	357	453	493	360	181	57	13
Mùa												



Mùa khô

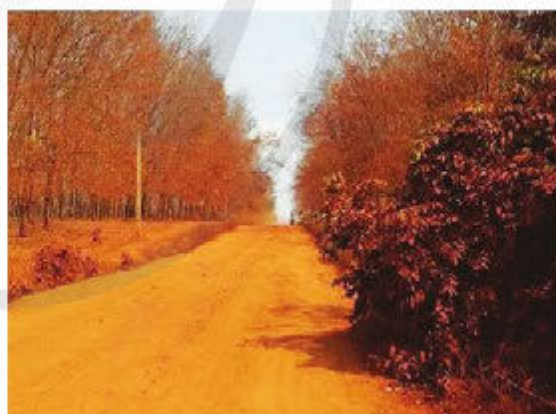


Mùa mưa

Ở Tây Nguyên, khí hậu có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường có những ngày mưa dầm kéo dài, thậm chí mưa cả tuần, nước tràn khắp nơi. Mùa khô, trời nắng gay gắt, đất khô khốc, vụn bờ.



Hình 4. Cảnh mùa mưa ở Tây Nguyên



Hình 5. Cảnh mùa khô ở Tây Nguyên

Sông ngòi



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Đọc tên một số sông ở vùng Tây Nguyên.
- Trình bày đặc điểm sông ngòi ở vùng Tây Nguyên.

Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông. Do chảy qua các vùng có độ cao khác nhau nên sông ở Tây Nguyên nhiều thác ghềnh.



Hình 6. Thác Đray Nur nằm trên hệ thống sông Srê Pôk

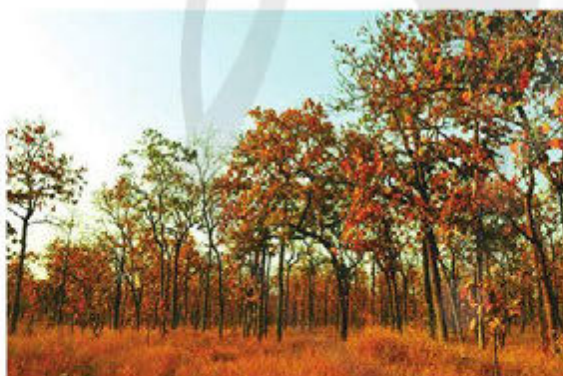
Rừng



Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy:

- Kể tên một số kiểu rừng ở vùng Tây Nguyên.
- Trình bày đặc điểm rừng ở vùng Tây Nguyên.

Tây Nguyên là vùng còn có nhiều rừng tự nhiên nhất nước ta. Ở đây có nhiều kiểu rừng, trong đó nhiều nhất là rừng rậm nhiệt đới. Hiện nay, diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên đã giảm.



A. Rừng khô



B. Rừng lá kim



C. Rừng rậm nhiệt đới

Hình 7. Một số kiểu rừng ở Tây Nguyên

3 Vai trò của rừng đối với tự nhiên, đời sống và sản xuất



Đọc thông tin và kết hợp với hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Cho biết tại sao rừng có vai trò quan trọng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu một số biện pháp bảo vệ rừng ở vùng Tây Nguyên.

Rừng có vai trò rất lớn đối với tự nhiên của vùng Tây Nguyên. Rừng giữ đất, giữ nước, điều hoà khí hậu và hạn chế thiên tai. Rừng là nơi sinh sống của nhiều loài động vật. Bên cạnh đó, rừng còn cung cấp gỗ, nguyên liệu, dược liệu cho đời sống và hoạt động sản xuất.

Để bảo vệ rừng cần đẩy mạnh các biện pháp như: ngăn chặn tình trạng phá rừng; khai thác rừng hợp lí; giao đất, giao rừng cho người dân chăm sóc, bảo vệ;...



1. Xác định vị trí của vùng Tây Nguyên và các cao nguyên ở vùng này trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
2. Trình bày một đặc điểm thiên nhiên của vùng Tây Nguyên. Hãy tìm kiếm và chia sẻ thông tin về ảnh hưởng của đặc điểm đó đối với đời sống và sản xuất của người dân nơi đây.
3. Hãy vẽ vào vở sơ đồ thể hiện vai trò của rừng đối với tự nhiên, đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Tây Nguyên. Tìm một số ví dụ minh hoạ cho những vai trò đó.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Nếu là học sinh ở vùng Tây Nguyên, em có thể làm gì để góp phần bảo vệ rừng nơi đây?
2. Vẽ, viết hoặc sưu tầm thông điệp về bảo vệ rừng và chia sẻ với các bạn, những người xung quanh.

Bài 16

DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TÂY NGUYÊN

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.
- Mô tả được một số nét chính về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử.



Ở vùng Tây Nguyên có nhiều đồng bào dân tộc với truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng. Nơi đây có các lễ hội gắn liền với công chiêng và nổi tiếng với những sản phẩm cây công nghiệp. Hãy nêu tên một anh hùng, một lễ hội hoặc một sản phẩm cây công nghiệp nổi tiếng ở vùng đất này.



1 Dân cư



Đọc thông tin và dựa vào bảng 1, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Tây Nguyên.
- So sánh mật độ dân số ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác và nhận xét về sự phân bố dân cư của vùng này.

Bảng 1. Mật độ dân số các vùng của Việt Nam năm 2020

Vùng	Mật độ dân số (người/km ²)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	139
Đồng bằng Bắc Bộ	1 431
Duyên hải miền Trung	212
Tây Nguyên	109
Nam Bộ	554

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021)

Em có biết?

Trang phục truyền thống của các dân tộc ở Tây Nguyên thường giống nhau là nam đóng khố, nữ quần váy nhưng khác nhau về màu sắc, hoa văn. Nam nữ đều thích mang đồ trang sức bằng kim loại.

Vùng Tây Nguyên có nhiều dân tộc cùng chung sống như: Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, Mông, Kinh, Mông, Tày, Thái, Nùng,...

Tây Nguyên là vùng thưa dân nhất ở nước ta, dân cư phân bố không đều. Các đô thị và ven trục giao thông chính có mật độ dân số cao hơn mật độ dân số trung bình của cả vùng. Những huyện vùng cao có mật độ dân số rất thấp, nơi thấp nhất chỉ khoảng 10 người/km².

2 Hoạt động sản xuất

Trồng cây công nghiệp lâu năm



Đọc thông tin và dựa vào bảng 2, em hãy:

- Kể tên một số cây công nghiệp lâu năm và cho biết cây công nghiệp nào được trồng nhiều nhất ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu những thuận lợi và khó khăn trong việc trồng cây công nghiệp lâu năm ở vùng Tây Nguyên.

Tây Nguyên là vùng có diện tích lớn đất đỏ badan với đặc tính tơi xốp, phì nhiêu kết hợp cùng khí hậu thuận lợi cho việc trồng các cây công nghiệp lâu năm. Ở đây đã hình thành các vùng chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm. Đây là vùng trồng cà phê lớn nhất và là vùng trồng cao su lớn thứ hai cả nước. Một số sản phẩm cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên có giá trị xuất khẩu cao như: cà phê, cao su, mắc-ca,... Tuy nhiên, việc phát triển cây công nghiệp nơi đây còn gặp khó khăn như: thiếu nước tưới vào mùa khô, thị trường tiêu thụ chưa ổn định,...



Hình 1. Cây cà phê ở vùng Tây Nguyên



Giới thiệu về một số sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở vùng Tây Nguyên mà em đã tìm hiểu.

Bảng 2. Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên năm 2020

Cây công nghiệp lâu năm	Diện tích (ha)
Cà phê	639 300
Cao su	226 000
Điều	82 500
Chè	11 700
Hồ tiêu	83 600

(Nguồn: Niên giám Thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2021)

3 Một số nét chính về văn hoá

Buôn làng và nhà rông



Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy mô tả nhà rông ở vùng Tây Nguyên.



Hình 4. Nhà rông ở vùng Tây Nguyên

Các dân tộc ở vùng Tây Nguyên thường sống tập trung thành buôn làng. Ở một số dân tộc, mỗi buôn có một nhà rông với nét riêng về hình dáng và cách trang trí. Nhà rông là ngôi nhà chung lớn nhất của buôn. Nhiều sinh hoạt tập thể của cả buôn được diễn ra ở đây. Theo quan niệm của người dân Tây Nguyên, nhà rông càng to đẹp chứng tỏ buôn càng giàu có, thịnh vượng.

Lễ hội và nhạc cụ



Đọc thông tin, quan sát hình 5, 6 và kết hợp với hiểu biết của bản thân, em hãy kể tên một số lễ hội và hoạt động chính trong lễ hội ở vùng Tây Nguyên.

Lễ hội ở vùng Tây Nguyên thường được tổ chức vào mùa xuân hoặc sau mỗi vụ thu hoạch. Nơi đây có nhiều lễ hội đặc sắc như: lễ hội Cồng chiêng, hội Đua voi, hội Xuân, lễ Mừng lúa mới,... Trong lễ hội, người dân thường nhảy múa tập thể với những điệu nhảy vui nhộn cùng với âm thanh trầm hùng. Người dân ở vùng Tây Nguyên có nhiều nhạc cụ độc đáo như: cồng, chiêng, đàn tơ-rưng, đàn krông-pút, đàn đá,... Các nhạc cụ này thường được làm từ các vật liệu như: đồng, tre, nứa, đá,...



Hình 5. Lễ Mừng lúa mới ở vùng Tây Nguyên



Hình 6. Hội Đua voi ở vùng Tây Nguyên

4 Truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên



Đọc thông tin dưới đây, em có nhận xét gì về các nhân vật lịch sử.

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên luôn thể hiện tinh thần yêu nước và đấu tranh anh dũng với nhiều tấm gương tiêu biểu như: N'Trang Long, Đinh Núp,...



Hình 7. Tượng đài N'Trang Long và các dân tộc Tây Nguyên (Đắk Nông)

N'Trang Long – Người anh hùng của buôn làng Tây Nguyên

N'Trang Long là một tù trưởng người dân tộc Mnông sống tại buôn Bu Par (huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông ngày nay). Căm phẫn trước sự đàn áp của thực dân Pháp, ông đã kêu gọi dân làng đứng lên chống Pháp.

Cuộc khởi nghĩa N'Trang Long nhanh chóng lan rộng và thu hút đông đảo đồng bào các dân tộc như Mnông, Ê Đê, Xtiêng, Mạ,... tham gia chiến đấu. Bằng cung nỏ, gươm đao, gậy gộc tự chế, nghĩa quân đã khiến thực dân Pháp mất ăn mất ngủ. Nổi bật là trận phục kích giết chết Hen-ri Mai-tre – viên quan người Pháp tại đồn Bu Nôp (1914), cùng chiến thắng Bu Mê-ra – Bu Bông đã làm cho quân Pháp bao phen khốn đốn, khiếp sợ.

(Theo Nguyễn Ngọc Cơ, *Phong trào dân tộc trong đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam, 1885 – 1918*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007, tr.406)

Đinh Núp – Huyền thoại của làng kháng chiến Stor

Đinh Núp là người dân tộc Ba Na, sinh ra và lớn lên ở làng Stor, K'bang (tỉnh Gia Lai). Đinh Núp mồ côi cha từ nhỏ, 15 tuổi bị bắt đi phu, Núp đã chứng kiến nhiều nỗi bất công, đau khổ của người dân dưới ách cai trị của thực dân Pháp nên sớm nung nấu tinh thần đấu tranh cách mạng.

Em có biết?

Năm 1955, Đinh Núp là người Tây Nguyên đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Tháng 5-1964, nhà nước Cu Ba đã mời anh hùng Núp sang thăm. Tại lần gặp gỡ này, Chủ tịch Cu Ba là Phi-đen Cát-xơ-rô và anh hùng Núp đã kết nghĩa anh em.

Năm Đinh Núp 22 tuổi, trong một lần quân Pháp về bắt phu, dân làng trốn hết vào rừng, một mình Núp ở lại, đứng sau gốc cây, dùng nỏ nhằm thẳng quân Pháp mà bắn. Mũi tên trúng vào một lính Pháp, một dòng máu đỏ chảy ra.

Núp đem chuyện đó kể với dân làng. Đây là lần đầu tiên mọi người biết rằng lính Pháp cũng là người chứ không phải “quái vật không thể chết” như tin đồn. Từ đó, Đinh Núp đã cùng dân làng đánh Pháp.

(Theo Nguyễn Ngọc, *Đất nước đứng lên*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2006, tr. 15)



Hình 8. Đinh Núp
(1914 – 1999)



1. Tây Nguyên có những thuận lợi nào về tự nhiên để trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc và phát triển thủy điện?
2. Hãy vẽ vào vở sơ đồ thể hiện những nét chính về văn hoá của các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
3. Em hãy nêu những hành động thể hiện tinh thần yêu nước, đấu tranh bất khuất, kiên cường của người dân Tây Nguyên.



1. Em hãy tìm hiểu và giới thiệu về hoạt động sản xuất cà phê ở Tây Nguyên (điều kiện, nơi trồng nhiều cà phê, các sản phẩm cà phê nổi tiếng trong và ngoài nước,...).
2. Giới thiệu về một nhân vật lịch sử mà em ấn tượng nhất trong phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên.

LỄ HỘI CỒNG CHIỀNG TÂY NGUYÊN

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.



Năm 2005, Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên ở Việt Nam đã được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.

Vậy ai là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên? Cồng chiêng có vai trò như thế nào trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên?



1 Chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên



Kể tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.

Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên trải dài ở các tỉnh Tây Nguyên. Chủ nhân của không gian văn hoá này là cư dân của nhiều dân tộc: Ba Na, Gié Triêng, Xơ Đăng, Rơ Măm, Mông, Cơ Ho, Mạ, Brâu, Ê Đê, Gia Rai, Chu Ru.



Hình 1. Phết-xi-van văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên tại tỉnh Gia Lai (2018)

Em có biết?

CỒNG, CHIÊNG

NHẠC KHÍ BẰNG HỢP KIM ĐỒNG, CÓ KHI PHA VÀNG, BẠC HOẶC ĐỒNG ĐEN



Cồng có núm

Đường kính: 20 – 120 cm



Chiêng không có núm

Hình 2. Cồng, chiêng

2 Vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên

?

Cồng chiêng có vai trò như thế nào trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên?

Cồng chiêng gắn liền với đời sống tinh thần của người Tây Nguyên từ lúc sinh ra đến khi qua đời.

Cồng chiêng vừa là một loại nhạc cụ vừa là một vật thiêng không thể thiếu trong lễ hội và cuộc sống hằng ngày của đồng bào Tây Nguyên.

Đồng bào Tây Nguyên sử dụng cồng chiêng trong các hoạt động vui chơi, giải trí hoặc đón tiếp khách, thể hiện sự giàu có của chủ nhà.

Cồng chiêng cũng được sử dụng trong các nghi lễ như: lễ Cắt rốn của trẻ sơ sinh, lễ Trưởng thành, lễ Tiễn linh hồn người chết, lễ Mừng lúa mới, lễ Xuống đồng,...



Hình 3. Lễ Trưởng thành của dân tộc Ê Đê

3 Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên



Hãy mô tả những nét chính của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên và nêu nhận xét.

Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên được tổ chức từ tháng 3 đến tháng 12 (dương lịch) hằng năm, luân phiên ở năm tỉnh thuộc Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên với phần lễ và phần hội.

Mở đầu phần lễ, mọi người sẽ cùng nghe lịch sử và một số phong tục văn hoá của người dân nơi đây. Tiếp đó là hoạt động tái hiện lại các nghi lễ truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên như: lễ cúng Cơn mưa đầu mùa, lễ Mừng lúa mới, lễ Mừng nhà rông mới,...

Đến phần hội, mọi người cùng nhau hoà mình trong các điệu múa và trò chơi dân gian đặc sắc như: hát dân ca, diễn xướng sử thi Tây Nguyên,...



Hình 4. Lễ Mừng nhà rông mới của dân tộc Gié Triêng (tỉnh Kon Tum)



1. Kể tên những lễ hội của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên có sử dụng cồng, chiêng.
2. Tóm tắt những nét cơ bản của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm tranh, ảnh về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên để giới thiệu những giá trị đặc sắc của lễ hội này.
2. Em cần làm gì để giữ gìn và phát huy các giá trị của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên?

VÙNG NAM BỘ

THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số sông lớn ở vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên ở vùng Nam Bộ.
- Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.



Hãy quan sát hình bên và mô tả những gì em thấy trong bức ảnh. Theo em, những cảnh vật này thể hiện nét đặc trưng của vùng đất nào ở nước ta?



1 Vị trí địa lí



Quan sát hình 1, em hãy:

- Chỉ ranh giới của vùng Nam Bộ.
- Cho biết vùng Nam Bộ giáp với vùng nào, quốc gia nào.

Vùng Nam Bộ nằm ở phía nam của đất nước; phía đông, nam và tây nam đều giáp biển. Nam Bộ gồm Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

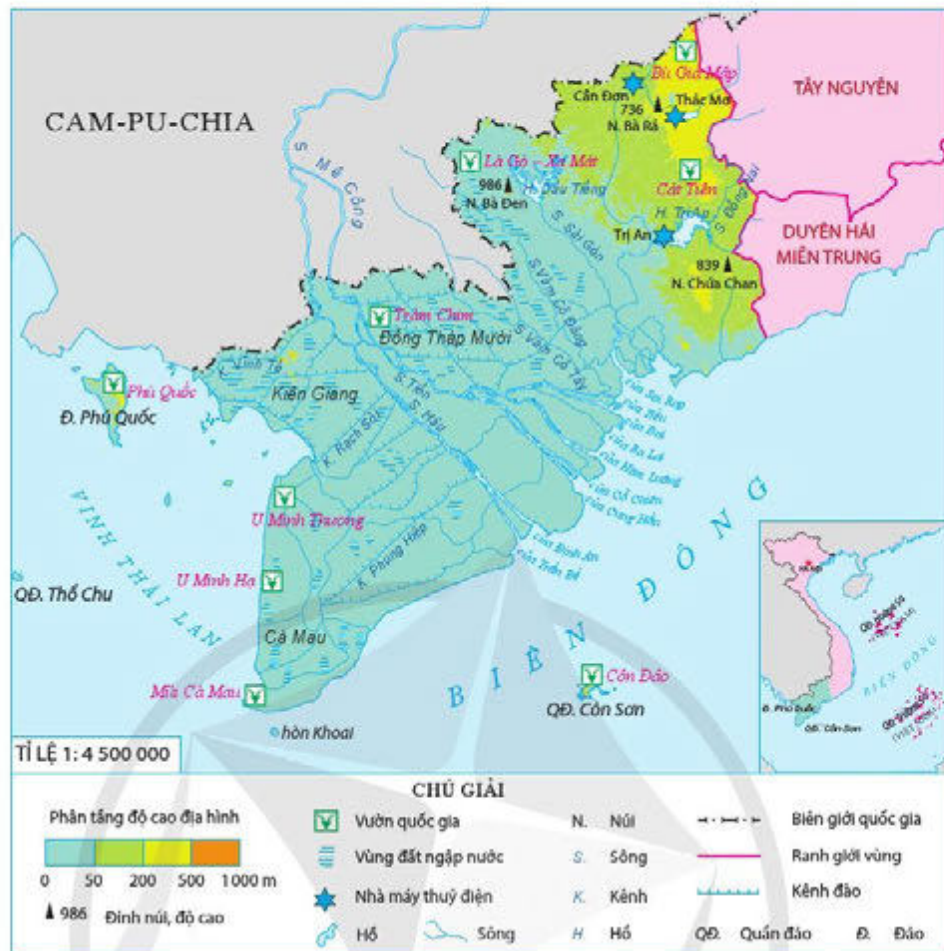
2 Đặc điểm thiên nhiên

Địa hình



Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Chỉ và đọc tên một số núi và vùng đất ngập nước ở vùng Nam Bộ.
- Trình bày đặc điểm địa hình ở vùng Nam Bộ.



Đông Nam Bộ có địa hình cao hơn Tây Nam Bộ. Ở đây, đồi thoải lượn sóng và đồng bằng chiếm phần lớn diện tích. Ngoài ra còn có một số núi như: núi Bà Đen, núi Chứa Chan,...



Tây Nam Bộ (còn gọi là Đồng bằng sông Cửu Long) có địa hình bằng phẳng và thấp, nhiều vùng đất ngập nước như: Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau. Vùng ven biển có nhiều bãi đất thấp chịu ảnh hưởng mạnh của biển.

Sông ngòi



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Chỉ và đọc tên một số sông lớn ở vùng Nam Bộ.
- Trình bày đặc điểm sông ngòi ở vùng Nam Bộ.

Đông Nam Bộ có ít sông ngòi hơn Tây Nam Bộ. Sông Đồng Nai là sông lớn nhất ở Đông Nam Bộ. Ở đây có nhiều hồ lớn được xây dựng để cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt như: hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An,...

Tây Nam Bộ có hai sông lớn là sông Tiền và sông Hậu (đoạn hạ lưu của sông Mê Công). Do hai sông này đổ ra biển bằng chín cửa nên có tên là sông Cửu Long (chín con rồng). Ở Tây Nam Bộ, người dân đào nhiều kênh rạch nối các sông với nhau, làm cho nơi đây có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Đất



Đọc thông tin, em hãy trình bày đặc điểm đất ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có nhiều loại đất khác nhau. Ở Đông Nam Bộ chủ yếu là đất đỏ badan và đất xám. Ở Tây Nam Bộ có ba loại đất chính là: đất phù sa, đất phèn và đất mặn.

3 Ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt



Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy nêu ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân ở vùng Nam Bộ.

Vùng đất đỏ badan và đất xám ở Đông Nam Bộ thuận lợi để trồng các loại cây công nghiệp lâu năm (cao su, điều, hồ tiêu, cà phê,...). Đất phù sa ở Tây Nam Bộ thuận lợi cho trồng lúa, cây ăn quả. Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch và vùng biển rộng thuận lợi cho giao thông đường thủy, khai thác và nuôi trồng thủy sản, du lịch. Vùng thềm lục địa có nhiều dầu mỏ và khí đốt là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp dầu khí.



Hình 4. Khai thác dầu khí
(tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Ở vùng Nam Bộ, mùa khô kéo dài đã gây ra tình trạng thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Vào mùa khô, nước biển lấn sâu vào đất liền thông qua các sông ngòi, kênh rạch khiến cho độ mặn của nước và đất tăng lên.



Hình 5. Lúa chết do hạn, mặn trong những tháng mùa khô (tỉnh Kiên Giang)



1. Trò chơi "Ai nhanh hơn?": Dựa vào bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, hãy viết tên các sông của vùng Nam Bộ.
2. Hãy lập bảng để phân biệt đặc điểm địa hình hoặc đất ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ theo gợi ý dưới đây.

Đặc điểm thiên nhiên	Đông Nam Bộ	Tây Nam Bộ
?	?	?

3. Nêu những ví dụ cho thấy ảnh hưởng của môi trường tự nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân ở vùng Nam Bộ.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Hiện tượng nước, đất bị nhiễm mặn ngày càng ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ. Em có đề xuất gì để khắc phục tình trạng trên?
2. Vẽ, viết hoặc sưu tầm thông điệp về sử dụng tiết kiệm, hợp lí nguồn nước ngọt rồi chia sẻ với các bạn và những người xung quanh.

Bài 19

DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG NAM BỘ

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.
- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.
- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ.
- Mô tả được sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu.
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ.



Nam Bộ là nơi có nền văn hoá mang đậm dấu ấn của vùng sông nước. Đây là vừa lúa, vừa trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước. Người dân nơi đây giàu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng. Hãy kể tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu, một số nét văn hoá hoặc sản phẩm nông nghiệp của vùng đất này.



1 Dân cư



Đọc thông tin và kết hợp với hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ.
- Nêu đặc điểm phân bố dân cư của vùng Nam Bộ.

Các dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,... Vùng Nam Bộ có số dân nhiều nhất so với các vùng khác của nước ta. Trong vùng, dân cư phân bố không đều, tập trung ở các đô thị và dải đất phù sa ven sông Tiền, sông Hậu.

Em có biết?

Trang phục truyền thống của người dân Nam Bộ là bộ quần áo bà ba và chiếc khăn rằn. Đây là trang phục mang đậm nét đặc trưng của người dân vùng sông nước.



Hình 1. Trang phục truyền thống của người dân Nam Bộ

2 Hoạt động sản xuất Sản xuất công nghiệp



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Kể tên một số ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ và nêu sự phân bố của chúng.
- Giải thích vì sao Nam Bộ trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta.



Hình 2. Lược đồ công nghiệp vùng Nam Bộ

Nam Bộ có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên đã trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta. Nơi đây có nhiều trung tâm công nghiệp lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hoà, Cần Thơ,... và nhiều ngành công nghiệp.



Giới thiệu hình ảnh về một số ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ mà em đã sưu tầm.

Sản xuất nông nghiệp



Quan sát hình 3, em hãy kể tên một số cây trồng, vật nuôi ở vùng Nam Bộ và chỉ sự phân bố của chúng trên lược đồ.

Sản xuất nông nghiệp của vùng Nam Bộ rất đa dạng với nhiều sản phẩm nổi tiếng trong và ngoài nước. Nam Bộ là vùng sản xuất lúa, trồng cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta. Đây cũng là vùng trồng nhiều cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu như: cao su, hồ tiêu, điều,... và nuôi nhiều vịt, gà, lợn.



Hình 3. Lược đồ nông nghiệp vùng Nam Bộ

Sản xuất lúa



Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Nêu tên những tỉnh trồng nhiều lúa ở vùng Nam Bộ.
- Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước.

Nhờ có diện tích đồng bằng lớn, đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất,... nên vùng Nam Bộ đã trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước với chất lượng gạo ngày càng tăng. Gạo nơi đây cung cấp cho nhiều nơi trong nước và xuất khẩu. Phần lớn gạo xuất khẩu nước ta là do vùng Nam Bộ cung cấp.

Nuôi trồng thủy sản



Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy:

- Nêu tên những tỉnh nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.
- Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước.

Do có vùng biển rộng, mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều vùng đất ngập nước, người dân nhiều kinh nghiệm và năng động,... nên Nam Bộ là vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước. Nghề nuôi tôm, cá,... phát triển mạnh. Thủy sản nơi đây được tiêu thụ ở nhiều nơi trong nước và xuất khẩu.



Hình 4. Nuôi cá tra (tỉnh An Giang)



Hình 5. Nuôi tôm (tỉnh Kiên Giang)

3 Một số nét văn hoá

Nhà ở và phương tiện đi lại



Đọc thông tin, quan sát hình 6 và kết hợp vốn hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết:

- Nhà của người dân ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ trước kia có gì khác nhau? Vì sao?
- Phương tiện đi lại phổ biến của người dân Nam Bộ hiện nay là gì?

Trước kia ở Tây Nam Bộ, người dân thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch để tiện cho việc sinh hoạt. Nhà ở đơn sơ, thoáng mát. Xuồng, ghe là phương tiện đi lại phổ biến của người dân nơi đây. Còn Đông Nam Bộ là vùng đất cao, nhiều rừng rậm nhiệt đới có thú dữ nên nhà ở thường làm chắc chắn hơn để sống an toàn.



Hình 6. Nhà ở và phương tiện đi lại của người dân Tây Nam Bộ

Ngày nay, diện mạo làng quê ở vùng Nam Bộ đã có nhiều thay đổi. Nhiều ngôi nhà kiên cố, khang trang được xây dựng. Đường sá, phương tiện giao thông ngày càng đa dạng và hiện đại hơn. Đời sống mọi mặt của người dân đang được nâng cao.

Chợ nổi trên sông



Đọc thông tin, quan sát hình 7 và kết hợp vốn hiểu biết của bản thân, em hãy mô tả về chợ nổi trên sông.

Chợ nổi là nét văn hoá đặc thù của vùng sông nước Tây Nam Bộ. Chợ nổi thường họp ở những đoạn sông thuận tiện cho việc đi lại bằng xuồng, ghe từ nhiều nơi đến. Chợ thường nhộn nhịp nhất vào buổi sáng. Ngay từ sáng sớm, việc mua bán đã diễn ra tấp nập. Các mặt hàng như: rau, quả, thịt, cá, quần áo,... đều có thể mua bán trên xuồng, ghe.



Hình 7. Chợ nổi (tỉnh Sóc Trăng)

4 Truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ



- Đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, em hãy nêu những hành động thể hiện tinh thần yêu nước của các nhân vật lịch sử trong bài.
- Em ấn tượng với hành động của nhân vật nào nhất? Vì sao?

Trong lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng, người dân Nam Bộ luôn thể hiện tinh thần yêu nước, khí phách anh hùng với những tấm gương tiêu biểu như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định,...

Trương Định – “Bình Tây Đại nguyên soái”

Trương Định (1820 – 1864) sinh ra ở Quảng Ngãi, lớn lên ở Tiền Giang. Ông là người lãnh đạo phong trào chống thực dân Pháp của nhân dân ở ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.

Năm 1862, sau khi kí kết hiệp ước Nhâm Tuất, triều đình hạ lệnh cho Trương Định phải bãi binh. Đứng giữa hai lựa chọn: ở lại cùng nhân dân chiến đấu hoặc thuận theo ý vua, nhận chức mới và bãi binh, Trương Định đã cời bỏ áo quan, quyết tâm ở lại cùng nhân dân chống Pháp. Dân chúng vô cùng mừng rỡ, suy tôn ông là “Bình Tây Đại nguyên soái”.

(Theo Nguyễn Thế Hoàn, Lê Thuý Mùi, *Những mẩu chuyện lịch sử*, Quyển 2, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011, tr.147 – 149)



Hình 8. Nhân dân Gò Công suy tôn Trương Định làm “Bình Tây Đại Nguyên Soái” (tranh vẽ trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)

Nguyễn Trung Trực – người anh hùng trên sông Nhật Tảo

Nguyễn Trung Trực (1838 – 1868), sinh ra trong một gia đình làm nghề chài lưới trên sông Vàm Cỏ (tỉnh Long An). Khi Pháp tấn công thành Gia Định, ông đã tham gia kháng chiến và lập nhiều chiến công vang dội.



Hình 9. Tem kỉ niệm 150 năm ngày mất của Nguyễn Trung Trực

Sáng ngày 10-12-1861, quân Pháp cho tàu chiến É-t-pê-răng (Espérance – Hy Vọng) đi tuần trên sông Vàm Cỏ Đông.

Sau khi bố trí lực lượng phục kích trên bờ và dụ một bộ phận quân Pháp rời khỏi tàu, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân lên hai chiếc ghe nhỏ giả làm thuyền buôn lúa tiến sát tàu địch, rồi bất ngờ nhảy lên tiêu diệt lính gác. Sau đó, nghĩa quân đổ dầu, châm lửa đốt cháy tàu. Không kịp trở tay, toàn bộ lính Pháp bị tiêu diệt. Tàu Hy Vọng – “pháo đài nổi” của quân Pháp đã chìm xuống đáy sông.

Khi bị bắt và đưa ra hành hình, Nguyễn Trung Trực đã nhìn đồng bào rồi đồng dạc hô lớn “Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

(Theo Nguyễn Thế Hoàn, Lê Thuý Mùi, *Những mẫu chuyện lịch sử*, Quyển 2, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011, tr.144 – 145)

Nguyễn Thị Định – nữ tướng của Quân đội nhân dân Việt Nam

Nguyễn Thị Định (1920 – 1992) sinh ra và lớn lên ở Bến Tre, tham gia hoạt động cách mạng từ năm 16 tuổi.

Năm 1960, ở miền Nam bùng lên phong trào “Đồng khởi” chống lại ách cai trị của chế độ Mỹ – Diệm. Nguyễn Thị Định đã lãnh đạo “Đội quân tóc dài” đấu tranh đòi chính quyền Ngô Đình Diệm chấm dứt việc tàn phá xóm làng, bắn giết người vô tội. “Đội quân tóc dài” chính là biểu tượng sinh động cho truyền thống toàn dân đánh giặc của dân tộc Việt Nam. Năm 1974, Nguyễn Thị Định được phong quân hàm Thiếu tướng và là vị nữ tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.



Hình 10. Nguyễn Thị Định

(Theo Nguyễn Thế Hoàn, Lê Thuý Mùi, *Những mẫu chuyện lịch sử*, Quyển 3, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011, tr.113 – 114)



1. Hãy nêu những ví dụ cho thấy người dân Nam Bộ đã biết cách chung sống hài hoà với thiên nhiên.
2. Em hãy hoàn thành bảng sau vào vở.

Hoạt động sản xuất của vùng Nam Bộ	Điều kiện phát triển
Sản xuất lúa	?
Sản xuất công nghiệp	?
Nuôi trồng thủy sản	?

3. Giới thiệu một nhân vật lịch sử tiêu biểu mà em biết trong phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ theo gợi ý: tiểu sử, chiến công, điều em học được từ nhân vật.



1. Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

a) Làm một áp phích giới thiệu về hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ theo gợi ý sau:

- Lựa chọn một hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ.
- Tìm và chọn lọc thông tin, tranh ảnh về hoạt động sản xuất mà em chọn.
- Sắp xếp tranh ảnh, thông tin vào áp phích để giới thiệu về hoạt động sản xuất đó.
- Trang trí và hoàn thiện áp phích.

b) Tìm hiểu một chợ nổi ở vùng Nam Bộ. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về chợ nổi đó.

2. Việc lấy tên các nhân vật lịch sử (Nguyễn Trung Trực, Trương Định, Nguyễn Thị Định,...) đặt tên cho đường phố, trường học có ý nghĩa như thế nào?



Bài 20

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình bày được một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, như: chuyện về Bến cảng Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước,...
- Sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.



Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng và là thành phố lớn nhất của Việt Nam. Em hãy chia sẻ những điều em biết về Thành phố Hồ Chí Minh.



1 Vị trí địa lí và tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh

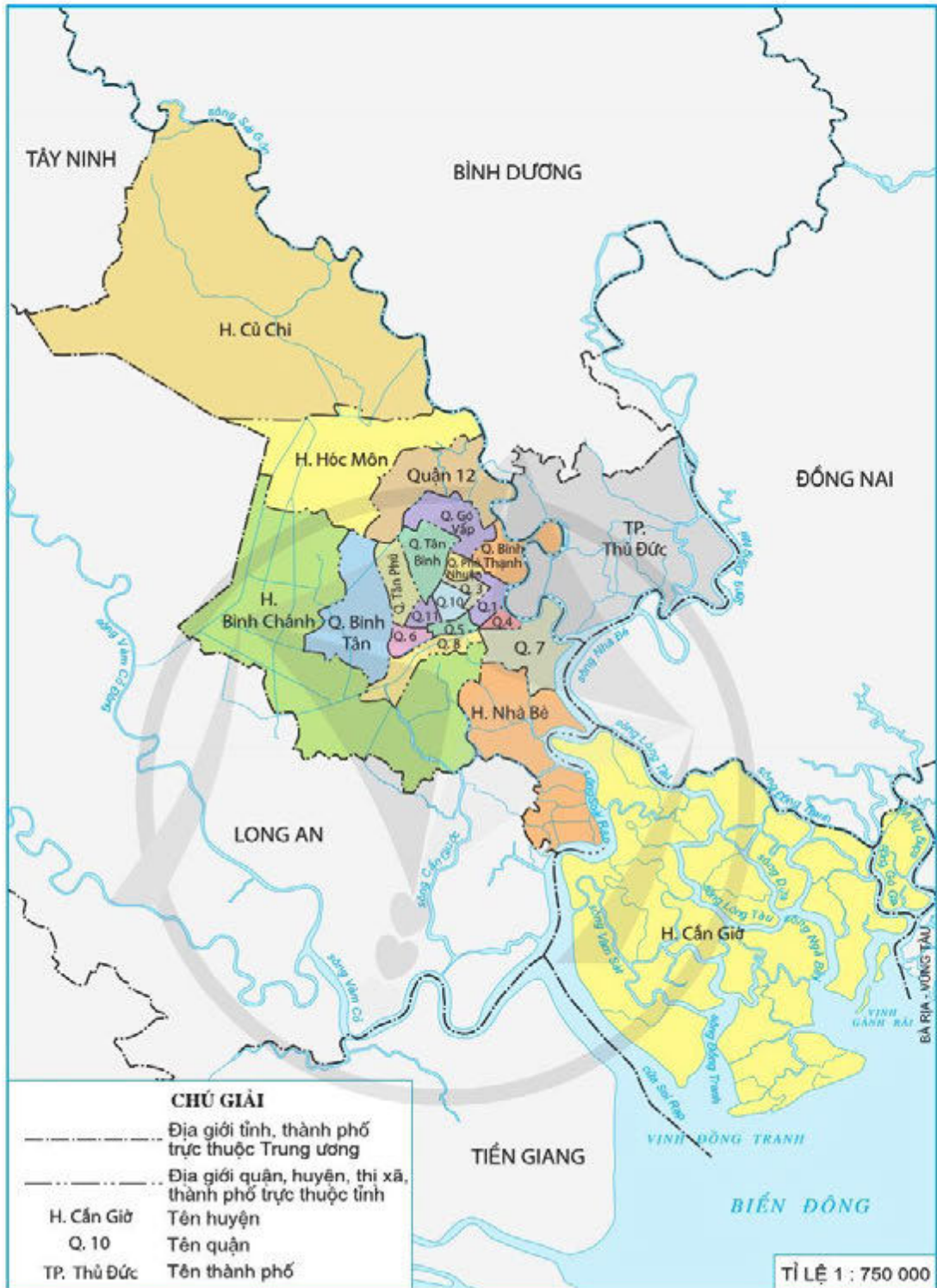


- Quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh trên lược đồ.
- Kể các tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh trong lịch sử.

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương, nằm ở vùng Nam Bộ, tiếp giáp với năm tỉnh, thành phố và có cửa ngõ thông ra biển.

Trước khi mang tên gọi là Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1976, Thành phố còn có tên gọi khác như: Gia Định, Sài Gòn – Gia Định, Sài Gòn – Chợ Lớn.





Hình 1. Lược đồ hành chính Thành phố Hồ Chí Minh

2 Một số sự kiện gắn với Thành phố Hồ Chí Minh

Trải qua hơn 300 năm, Thành phố Hồ Chí Minh đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trọng đại cùng với những thăng trầm của lịch sử dân tộc.

Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định (1698)



Phủ Gia Định được thành lập như thế nào?

Nguyễn Hữu Cảnh sinh năm 1650 tại tỉnh Quảng Bình, là một danh tướng thời chúa Nguyễn.

Năm 1698, ông được cử vào cai quản vùng đất phía nam. Vượt qua khó khăn, gian khổ, Nguyễn Hữu Cảnh đã tổ chức nhân dân khai hoang, lập ra phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long (xứ Đồng Nai) và Tân Bình (xứ Sài Gòn). Sau sự kiện này, vùng đất Gia Định phát triển nhanh chóng.



Hình 2. Tượng thờ Nguyễn Hữu Cảnh (Thành phố Hồ Chí Minh)

Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước từ Bến cảng Nhà Rồng (1911)



Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước như thế nào?

Năm 1910, với ý chí quyết tâm tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã vào Sài Gòn. Lúc bấy giờ, Sài Gòn là cửa ngõ của Nam Kỳ có những công ty tàu biển lớn rất thuận lợi cho việc sang Pháp.



Hình 3. Tàu Đô đốc La-tu-sơ To-rê-vin (Latouche-Tréville)

Được một người quen giới thiệu, Nguyễn Tất Thành đã tìm đến vị thuyền trưởng con tàu Đô đốc La-tu-sơ To-rê-vin để xin việc. Ban đầu, vị thuyền trưởng định từ chối vì cho rằng một thư sinh như Nguyễn Tất Thành không thể chịu nổi công việc làm bếp rất nặng nhọc, hằng ngày phải lo những bữa ăn cho cả trăm người với nhiều khẩu phần khác nhau. Nguyễn Tất Thành đã chia hai bàn tay đầy những vết chai sạn của mình và thuyết phục được thuyền trưởng bởi sự tự tin, quyết tâm mạnh mẽ.

(Theo Sơn Tùng, *Búp sen xanh*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr.338 – 339)

Ngày 5-6-1911, tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin nhỏ neo rời Bến cảng Nhà Rồng đến cảng Mác-xây (Marseille) của Pháp, đưa người thanh niên Nguyễn Tất Thành với tên gọi Văn Ba rời Tổ quốc bắt đầu hành trình 30 năm đi tìm đường cứu nước để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Em có biết?

Nhà Rồng ban đầu là trụ sở của Tổng Công ty Vận tải Hoàng Đế – một trong những công trình đầu tiên do người Pháp xây dựng khi chiếm được Sài Gòn. Để ghi nhớ sự kiện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước tại đây, ngôi Nhà Rồng được giữ lại làm Bảo tàng Hồ Chí Minh – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.



Hình 4. Bến cảng Nhà Rồng ngày nay

Quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập (1975)



Nêu ý nghĩa của sự kiện quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập (1975) đối với lịch sử dân tộc.

Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 30-4-1975, xe tăng của quân Giải phóng đã húc đổ cổng Dinh Độc Lập. Đúng 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phấp phới tung bay trên Dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi.



Hình 5. Xe tăng số hiệu 390 húc đổ cổng Dinh Độc Lập ngày 30-4-1975 (hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Lực lượng tăng – thiết giáp)

3 Thành phố Hồ Chí Minh – trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam



Đọc thông tin và quan sát từ hình 6 đến hình 9, tìm các dẫn chứng để chứng minh Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.

Kinh tế

Với vai trò là đầu tàu kinh tế của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh có đóng góp nhiều nhất vào tổng thu ngân sách nhà nước, đứng đầu cả nước về phát triển dịch vụ và công nghiệp.



Hình 6. Một góc Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị sản xuất công nghiệp đứng đầu cả nước với các ngành chủ yếu như: điện tử – tin học, thực phẩm – đồ uống, cơ khí, dệt may, da giày,...



Hình 7. Bên trong một nhà máy ở khu công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Văn hoá

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có nhiều di tích lịch sử và bảo tàng như: Bến cảng Nhà Rồng, Nhà thờ Đức Bà, chợ Bến Thành, Địa đạo Củ Chi, Dinh Độc Lập, Bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh,... Đây còn là nơi hội tụ cư dân từ khắp nơi, góp phần tạo sự đa dạng về văn hoá.



Hình 8. Nhà thờ Đức Bà

Giáo dục

Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm khoa học – công nghệ thuộc các lĩnh vực khác nhau, làm nòng cốt cho sự phát triển giáo dục của vùng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.



Hình 9. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh



Vẽ sơ đồ tóm tắt lại nội dung bài học Thành phố Hồ Chí Minh theo gợi ý dưới đây.



Hãy viết một bức thư cho một người bạn để giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh với các thông tin về vị trí địa lí, lịch sử, kinh tế, văn hoá, giáo dục.

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của Địa đạo Củ Chi trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi, có sử dụng tranh ảnh, tài liệu lịch sử.
- Suy tầm và kể lại được một số câu chuyện lịch sử về việc đào hầm ở Củ Chi, chống Mỹ ở Địa đạo Củ Chi.



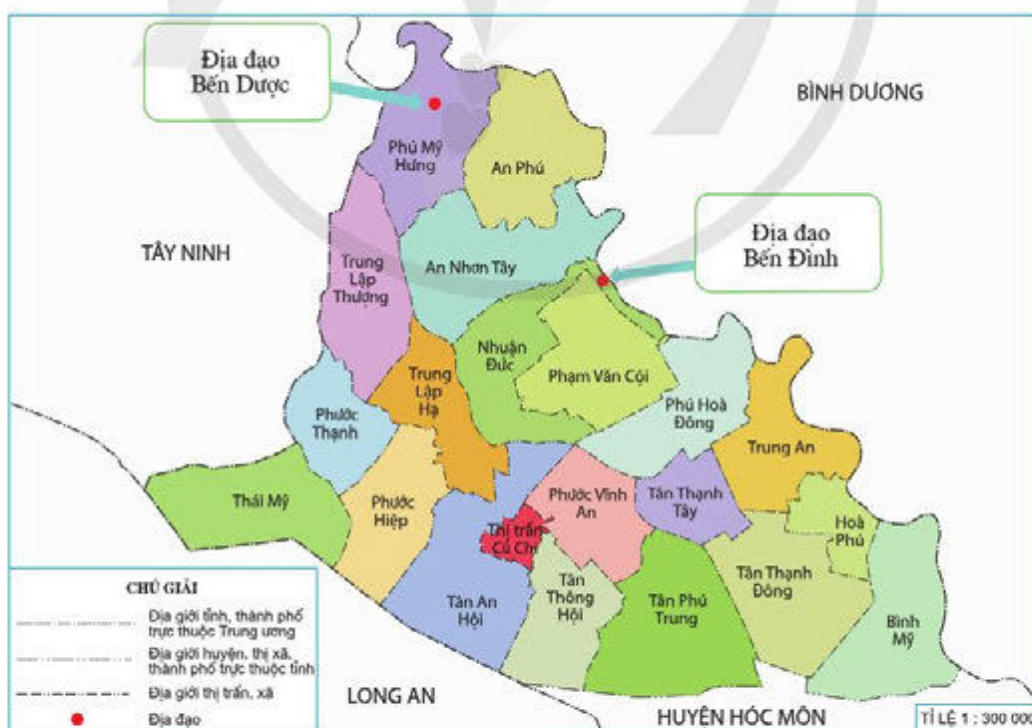
Địa đạo Củ Chi có vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Em có hiểu biết gì về Địa đạo này?



1 Vị trí địa lí



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí của Địa đạo Củ Chi trên lược đồ.



Hình 1. Lược đồ hành chính huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh)

Địa đạo được xây dựng ở huyện Củ Chi, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 70 km về phía tây bắc.

Địa đạo Củ Chi là một hệ thống đường hầm dài khoảng 250 km toả rộng như mạng nhện trong lòng đất. Hiện nay, di tích Địa đạo Củ Chi được bảo tồn ở hai địa điểm:

- Địa đạo Bến Dược thuộc xã Phú Mỹ Hưng.
- Địa đạo Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức.

2 Một số công trình tiêu biểu của Địa đạo Củ Chi

?

Đọc thông tin và quan sát từ hình 2 đến hình 4, em hãy mô tả một công trình trong Địa đạo Củ Chi mà em ấn tượng nhất.

Địa đạo Củ Chi gồm hệ thống công sự ngầm, hầm bí mật được nguy trang rất sâu và kín đáo dưới lòng đất, trong rừng rậm. Phía trên địa đạo được bố trí dày đặc mìn và các hầm chông, cạm bẫy. Dưới lòng đất là cả một hệ thống phòng thủ với các công trình tiêu biểu như: hầm giải phẫu, bếp Hoàng Cầm, khu hầm xưởng chế tạo vũ khí, bệ bắn,...



Hình 2. Lát cắt mô phỏng một đoạn của hệ thống đường hầm trong Địa đạo Củ Chi

Bệnh viện dã chiến nằm ở tầng cuối cùng trong lòng địa đạo. Nơi đây có hầm giải phẫu, các cơ sở vật chất y tế phục vụ cuộc kháng chiến.

Bếp Hoàng Cầm là một loại bếp đặc biệt, mang tên người sáng tạo ra nó. Điểm độc đáo của loại bếp này là làm hạn chế tối đa khói toả lên trên mặt đất khi nấu, không để đối phương phát hiện. Bếp được sử dụng phổ biến trong địa đạo, nằm ở tầng trên cùng, cách mặt đất khoảng 3 m.



Hình 3. Tái hiện hầm giải phẫu trong Địa đạo Củ Chi



Hình 4. Bếp Hoàng Cầm trong Địa đạo Củ Chi

3 Huyền thoại dưới lòng đất

Đào hầm



Em hãy cho biết quân dân Củ Chi đã đào hầm như thế nào.

Đường hầm trong Địa đạo Củ Chi được đào trong thời kì kháng chiến chống Pháp, với mục đích ban đầu là để trú ẩn, cất giấu tài liệu, vũ khí. Đến kháng chiến chống Mỹ, Củ Chi được chọn làm căn cứ lâu dài nên phong trào đào hầm địa đạo đã phát triển mạnh mẽ.

Để đào được địa đạo, đầu tiên phải đào một giếng với đường kính 0,6 m, sâu 3 m. Sau đó lại dùng cuốc tay tiếp tục khoét sâu từ đáy giếng, tạo đường hầm đủ rộng để người đi được dưới lòng đất. Cứ cách 16 m lại tạo một giếng. Chỉ trong thời gian 2 năm, quân dân Củ Chi đã đào được 250 km địa đạo.



Hình 5. Quân và dân xã Nhuận Đức đào địa đạo

Đập tan trận càn "Bóc vỏ Trái Đất"



Em hãy cho biết quân dân Củ Chi đã đập tan trận càn "Bóc vỏ Trái Đất" như thế nào.

Đầu năm 1967, quân Mỹ thực hiện trận càn quét mang tên "Bóc vỏ Trái Đất" với mục đích phá hệ thống Địa đạo Củ Chi.

Quân Mỹ đã huy động hàng chục chiếc xe tăng, xe ủi với công suất lớn, cày xới mặt đất liên tục để tìm ra vị trí các nắp hầm. Quân Mỹ còn tuyển chọn một đội quân "chuột cống" gồm 600 lính công binh "nhỏ người" thực hiện nhiệm vụ phá hệ thống địa đạo.



Hình 6. Thành viên đội quân "chuột cống" chui xuống đường hầm Địa đạo Củ Chi (ảnh chụp)

Quân Mỹ đi tới đâu cũng bị các chiến sĩ từ các ụ chiến đấu và giao thông hào đánh trả bằng mọi hình thức, mọi thứ vũ khí. Trong trận đánh này, quân dân Củ Chi đã bám trụ kiên cường, chiến đấu dũng cảm, đẩy lùi cuộc càn quét của quân Mỹ.

Với những chiến công vang dội đó, Củ Chi đã được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu "Củ Chi đất thép Thành đồng".



1. Hãy kể tên một số công trình tiêu biểu của Địa đạo Củ Chi.
2. Vẽ sơ đồ để khái quát lại nội dung kiến thức của bài học.



Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu cho du khách về nét độc đáo của Địa đạo Củ Chi.
2. Sưu tầm những câu chuyện, hình ảnh về quân dân Củ Chi chống Mỹ ở Địa đạo.

ÔN TẬP CUỐI NĂM

1. Quan sát hình 1, em hãy cho biết tương ứng với các số 1, 2, 3, 4, 5 là những vùng nào của nước ta.

2. Em hãy sắp xếp các từ khoá vào bảng dưới đây sao cho phù hợp với mỗi vùng và ghi kết quả vào vở.

Từ khoá:

- Nhân vật lịch sử: Đinh Núp, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Cánh, Nguyễn Thị Định, N'Trang Long, Trương Định, Hoàng Diệu.
- Di tích lịch sử: Hội quán Phúc Kiến, chùa Thiên Mụ, Dinh Độc Lập, Chùa Cầu, Bến cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà cổ Phùng Hưng, lăng Khải Định, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, lăng Tự Đức, Thăng Long tứ trấn.



Hình 1. Lược đồ các vùng của Việt Nam

- Lễ hội: lễ hội Lồng Tồng, lễ giỗ Tổ Hùng Vương, lễ hội chùa Hương, Hội Lim, lễ hội Cầu Ngự, lễ hội Ka-tê, lễ hội Cồng chiêng, lễ hội Đua voi.

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Từ khoá	?	?	?	?	?

3. Hãy cho biết đặc điểm thiên nhiên ở cột A và hoạt động sản xuất ở cột C tương ứng với vùng nào ở cột B. Ghi kết quả vào vở.

Cột A.
Đặc điểm thiên nhiên

A Có nhiều cao nguyên, đất đỏ badan nhất nước ta.

B Có dãy núi cao nhất, mùa đông lạnh nhất nước ta.

C Có đồng bằng rộng lớn với sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

D Địa hình tương đối bằng phẳng, có hệ thống đê ngăn lũ ven sông.

E Có dải đồng bằng nhỏ, hẹp; ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá.

Cột B.
Vùng

1
Trung du và miền núi Bắc Bộ

2
Đồng bằng Bắc Bộ

3
Duyên hải miền Trung

4
Tây Nguyên

5
Nam Bộ

Cột C.
Hoạt động sản xuất

G Đánh bắt và nuôi trồng hải sản, sản xuất muối, du lịch biển,... phát triển.

H Trồng nhiều cây công nghiệp lâu năm, đặc biệt là cà phê.

I Đứng đầu cả nước về sản xuất công nghiệp, lúa gạo và nuôi trồng thủy sản.

K Trồng lúa trên ruộng bậc thang, có hai nhà máy thủy điện lớn hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

L Sản xuất lúa gạo lớn thứ hai của Việt Nam và có nhiều nghề thủ công.

4. a) Em hãy cùng bạn xây dựng kế hoạch tham quan một trong những di tích lịch sử mà em đã học theo gợi ý ở bên.

b) Là học sinh, em nghĩ mình nên làm gì và không nên làm gì khi đến tham quan các di tích lịch sử để gìn giữ và quảng bá giá trị của các di tích đó?

**KẾ HOẠCH
THAM QUAN**

Điểm xuất phát: ? Điểm đến: ?
Phương tiện di chuyển: ?
Các di tích tiêu biểu, thời gian tham quan: ?
Lưu ý khi tham quan: ?
Hoạt động nên tham gia: ?

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

	THUẬT NGỮ	TRANG
B	Bếp Hoàng Cầm là loại bếp do chiến sĩ nuôi quân Hoàng Cầm chế tạo. Bếp được thiết kế có khả năng làm tan loãng khói khi nấu, tránh bị máy bay địch phát hiện từ trên cao cũng như ở gần.	114, 115
C	Cảng là một nơi nằm ở bờ sông hay biển có các công trình xây dựng và các thiết bị phục vụ cho việc neo, đậu tàu, thuyền; bốc dỡ hàng hoá,... hoặc nơi đón, đưa hành khách đi lại bằng đường thủy.	61, 63, 66, 57, 107, 109, 110, 111, 117
	Cổ đồ là thủ đồ từ thời xưa.	70, 71, 72, 73, 74, 75
	Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mĩ, khoa học.	46, 66
	Danh nhân là người có tài, đức nổi tiếng được xã hội thừa nhận và nhân dân truyền tụng.	10, 13, 56, 73
D	Di sản thiên nhiên thế giới là di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của một quốc gia có giá trị nổi bật toàn cầu về thiên nhiên được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới.	60, 61, 67
	Di sản văn hoá thế giới là di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của một quốc gia có giá trị nổi bật toàn cầu về văn hoá được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới.	63, 66, 67, 68, 70
	Di tích lịch sử – văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.	48, 51, 66
	Đảo là phần đất có nước bao quanh mọi phía (ở giữa đại dương, biển, hồ hoặc sông).	58, 61
	Đầm phá là vùng nước tương đối nông ở ven bờ biển, ngăn cách với biển bởi các doi cát, đụn cát,... và có cửa thông ra biển.	60, 118
Đ	Đê là công trình xây đắp bằng đất, đá,... dọc bờ sông hoặc bờ biển để ngăn không cho nước tràn vào đồng ruộng và khu dân cư.	30, 31, 33, 35, 38, 39, 41
	Địa đạo là đường hầm bí mật, đào sâu dưới lòng đất.	57, 111, 113, 114, 115, 116, 117
	Đồng khởi là phong trào đồng loạt đứng lên khởi nghĩa ở miền Nam Việt Nam chống sự kìm kẹp của Mỹ và chính quyền tay sai trong giai đoạn 1959 – 1960.	105

H	Hoạt động kinh tế là các hoạt động sử dụng máy móc, thiết bị, nhà xưởng, lao động, nguyên liệu,... nhằm tạo ra những sản phẩm hay dịch vụ thoả mãn nhu cầu của con người.	10, 11, 56, 63, 64, 86
	Hội quán là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, hội họp của những người Trung Hoa cùng quê hương đang định cư ở nước ngoài.	57, 76, 77, 78, 117
M	Mật độ dân số là số dân trung bình sinh sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/ km ²).	19, 20, 35, 36, 86, 87
K	Kháng chiến là hoạt động chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ độc lập, tự chủ.	90, 104, 110, 113, 114, 115
	Khí tiết là ý chí kiên cường trong việc bảo vệ giá trị và danh dự của mình.	49
	Khởi nghĩa là hoạt động đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ ách thống trị, áp bức.	5, 74, 90
L	Lưu vực là vùng đất cung cấp các loại nước cho một con sông.	42, 43
Q	Quần đảo là một tập hợp nhiều đảo ở gần nhau trong một khu vực nhất định.	58
T	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là một đơn vị hành chính đặt dưới sự quản lí của Trung ương.	10, 35, 58
	Trung du là nơi chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.	14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 86
	Trung tâm công nghiệp là một khu vực tập trung công nghiệp gắn liền với các đô thị vừa và lớn. Mỗi trung tâm công nghiệp có nhiều ngành công nghiệp khác nhau.	36
	Tù trưởng là người đứng đầu, thủ lĩnh của một bộ lạc hoặc liên minh bộ lạc.	90
	Tuần tiết là tự từ để bảo toàn giá trị và danh dự của mình.	49
V	Vườn quốc gia là một khu vực đất hay biển được bảo tồn bằng các quy định pháp luật của chính quyền sở tại. Vườn quốc gia được bảo vệ nghiêm ngặt khỏi sự khai thác, can thiệp bởi con người.	34
	Văn minh là trình độ phát triển đạt đến một mức nhất định của xã hội loài người có nền văn hoá vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng.	42, 43, 80
X	Xuất khẩu là việc bán hàng hoá, dịch vụ ra thị trường nước ngoài.	87, 102

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGỒ TRẦN ANH

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

LÊ XUÂN THỊNH – NGUYỄN THỊ HOÀ

Thiết kế minh hoa sách.

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Trình bày bài:

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in:

TRẦN THỊ NGÂN – NGUYỄN THỊ HOÀ

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

Mã số:

ISBN:

In cuốn, khổ 19 x 26,5cm, tại

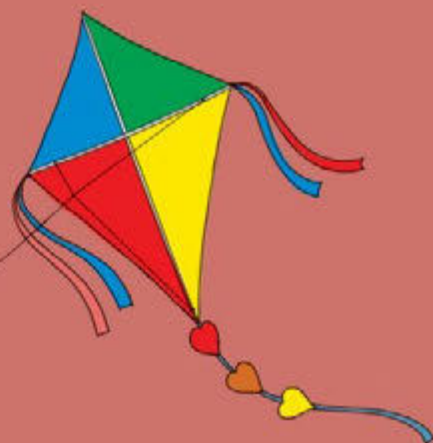
Địa chỉ:

Số xác nhận đăng kí xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2022

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



*S*ách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 4* của bộ sách *Cánh Diều* được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*. Các bài học trong sách được biên soạn đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học, đồng thời phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Cuốn sách gồm ba mạch nội dung chính: *Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí*, *Địa phương em* và *Các vùng của Việt Nam*. Ở mỗi vùng, các em sẽ được tìm hiểu một số nét đặc sắc về thiên nhiên, hoạt động sản xuất, văn hoá và lịch sử. Từ đó, các em thêm yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước và có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá, lịch sử của đất nước.

Các bản đồ, lược đồ và hình ảnh trong sách sẽ giúp các em tiếp thu kiến thức một cách trực quan, sinh động hơn.

Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học có nhiều kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực lịch sử, địa lí và giáo dục tiểu học.



SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách *Cánh Diều*: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

SÁCH KHÔNG BÁN